

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ ĐÔNG ĐA

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ ĐỒNG ĐA

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

**TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
ĐỒNG ĐA**

TT	Họ và tên	Chức danh	Nhiệm vụ
1	Lâm Huy Hoàng	Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng
2	Nguyễn Thị Kim Ngân	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch hội đồng
3	Nguyễn Minh Hùng	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch hội đồng
4	Huỳnh Thị Kim Yến	Giáo viên	Thư ký hội đồng
5	Nguyễn Đắc Thọ	Chủ Tịch Công đoàn	Ủy viên hội đồng
6	Đặng Quang Minh	Bí thư Chi đoàn	Ủy viên hội đồng
7	Lê Thị Ngọc Ánh	Tổng phụ trách Đội	Ủy viên hội đồng
8	Nguyễn Thị Ngọc Hằng	Thanh tra Nhân dân	Ủy viên hội đồng
9	Võ Thị Sơn Hà	Tổ trưởng Tổ Toán-Tin	Ủy viên hội đồng
10	Đặng Thị Thu Ngân	Tổ trưởng Tổ Văn	Ủy viên hội đồng
11	Trương Thị Quỳnh Dao	Tổ trưởng Tổ TD-Nhạc-MT-CN	Ủy viên hội đồng
12	Huỳnh Thị Thu Nguyệt	Tổ trưởng Tổ Lý-Hóa-Sinh	Ủy viên hội đồng
13	Hà Thị Kim Phượng	Tổ trưởng Tổ Sử-Địa-CD	Ủy viên hội đồng
14	Lương Hiếu Thuận	Tổ trưởng Ngoại ngữ	Ủy viên hội đồng
15	Lưu Đặng Anh Sơn	Tổ trưởng Văn phòng	Thành viên
16	Trương Thị Phượng	Kế toán	Ủy viên hội đồng
17	Trương Hoài Thanh	Trưởng ban Đại diện cha mẹ học sinh	Ủy viên hội đồng

b) Nhóm thư ký

TT	Họ và tên	Chức danh	Nhiệm vụ
1	Huỳnh Thị Kim Yến	Giáo viên	Trưởng nhóm Thư ký
2	Lưu Đặng Anh Sơn	Thiết bị	Thành viên
3	Trần Thị Kim Ngọc	Thư viện	Thành viên

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Lâm Huy Hoàng	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Nguyễn Thị Kim Ngân	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Huỳnh Thị Kim Yến	Thư ký Hội đồng	Thư ký Hội đồng	
4	Nguyễn Đắc Thọ	Chủ tịch Công đoàn	Thành viên	
5	Nguyễn Minh Hùng	Phó Hiệu trưởng	Thành viên	
6	Lê Thị Ngọc Ánh	Tổng phụ trách	Thành viên	
7	Đặng Quang Minh	Bí thư Chi đoàn	Thành viên	
8	Nguyễn Thị Ngọc Hằng	Trưởng ban TTND	Thành viên	
9	Đặng Thị Thu Ngân	Tổ trưởng Ngữ văn	Thành viên	
10	Võ Thị Sơn Hà	Tổ trưởng Toán - Tin	Thành viên	
11	Hà Thị Kim Phượng	Tổ trưởng Sử - Địa	Thành viên	
12	Huỳnh Thị Thu Nguyệt	Tổ trưởng Hóa- Sinh	Thành viên	
13	Lương Hiếu Thuận	Tổ trưởng Anh văn	Thành viên	
14	Trương Thị Quỳnh Dao	Tổ trưởng Nhạc - Họa	Thành viên	
15	Lưu Đặng Anh Sơn	Tổ trưởng Văn phòng	Thành viên	
16	Trương Thị Phượng	Kế toán	Thành viên	
17	Trương Hoài Thanh	Trưởng ban/Đại diện CMHS	Thành viên	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá của nhà trường	3
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	4
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	9
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	9
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	13
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	13
Mở đầu	13
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	13
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác	16
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	18
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	20
Tiêu chí 1.5: Lớp học	23
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	24
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	27
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	28
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	30
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	32
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	34
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	34
Mở đầu	34
Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng	35
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	37
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	40
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh	43

<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	45
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	45
Mở đầu	45
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập	45
Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	47
Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị	49
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	51
Tiêu chí 3.5: Thiết bị	53
Tiêu chí 3.6: Thư viện	55
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	57
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	57
Mở đầu	57
Tiêu chí 4.1: Ban Đại diện cha mẹ học sinh	58
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	60
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	62
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	63
Mở đầu	63
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông	63
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	66
Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định	68
Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	70
Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh	72
Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục	74
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	80
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	80
Phần IV. PHỤ LỤC	82

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	-
Tiêu chí 1.2		X	X	-
Tiêu chí 1.3		X	X	-
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	-	-
Tiêu chí 1.6		X	X	-
Tiêu chí 1.7		X	X	-
Tiêu chí 1.8		X	X	-
Tiêu chí 1.9		X	-	-
Tiêu chí 1.10		X	-	-
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	-
Tiêu chí 2.3		X		-
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	-
Tiêu chí 3.2		X	X	-
Tiêu chí 3.3		X	X	-
Tiêu chí 3.4		X	X	-
Tiêu chí 3.5		X	X	-
Tiêu chí 3.6		X	X	X
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	-
Tiêu chí 4.2		X	X	-
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	-	-
Tiêu chí 5.3		X	X	-
Tiêu chí 5.4		X	-	-
Tiêu chí 5.5		X	X	-
Tiêu chí 5.6		X	X	-

Kết quả: Đạt Mức 1

2. Kết luận: Trường đạt Mức 1

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: TRUNG HỌC CƠ SỞ ĐỒNG ĐA

Tên trước đây: TRUNG HỌC CƠ SỞ ĐỒNG ĐA

Cơ quan chủ quản: ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Hồ Chí Minh	Họ và tên hiệu trưởng	Lâm Huy Hoàng
Huyện/quận/thị xã/thành phố	Bình Thạnh	Điện thoại	028.62580327
Xã/phường/thị trấn	25	Fax	Không
Đạt chuẩn quốc gia	Không	Website	thcsdongda.hcm.edu.vn
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	1986	Số điểm trường	01
Công lập	x	Loại hình khác	Không
Tư thục	Không	Thuộc vùng khó khăn	Không
Trường chuyên biệt	Không	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không		Không

1. Số lớp học

Số lớp	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017 -2018	Năm học 2018 -2019	Năm học 2019 -2020
Khối lớp 6	8	6	8	11	10
Khối lớp 7	10	8	7	8	11
Khối lớp 8	7	10	8	7	8
Khối lớp 9	6	7	10	8	7
Cộng	31	31	32	34	36

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học	Năm học	Năm học	Năm học	Năm học	Ghi chú
		2015-2016	2016-2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020	
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	33	33	40	40	40	
1	Phòng học	31	31	32	34	36	
a	Phòng kiên cố	31	31	32	34	36	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
2	Phòng học bộ môn	3	3	8	8	9	
a	Phòng kiên cố	5	5	8	8	9	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
3	Khối phục vụ học tập	01	01	02	02	02	
a	Phòng kiên cố	01	01	03	03	03	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng hành chính - quản trị	7	7	10	10	10	
1	Phòng kiên cố	7	7	10	10	10	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Thư viện	01	01	01	01	01	

IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	0	0	0	0	0	
	Cộng						

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01		Kinh			01	
Phó hiệu trưởng	01	01	Kinh			02	
Giáo viên	66	53	Kinh		62	04	
Nhân viên	11	5	Kinh				
Cộng	79	58			62	7	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020
1	Tổng số giáo viên	56	53	59	60	67
2	Tỉ lệ giáo viên/lớp	1,8	1,7	1,8	1,8	1,9
3	Tỉ lệ giáo viên/học sinh	0,039	0,037	0,042	0,040	0,040
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	2	0	06	06	07
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	2	0	00	01	00

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	1388	1403	1421	1487	1575	
	- Nữ	730	752	723	752	814	
	- Dân tộc thiểu số	15	24	25	19	18	
	- Khối lớp 6	372	282	343	505	432	
	- Khối lớp 7	450	363	285	347	514	
	- Khối lớp 8	326	442	359	294	353	
	- Khối lớp 9	240	316	434	341	299	
2	Tổng số tuyển mới	372	282	341	505	432	
3	Học 2 buổi/ngày	1388	1403	1421	1487	1575	
4	Bán trú	981	1045	1165	1150	1210	
5	Nội trú	0	0	0	0		
6	Bình quân số học sinh/lớp học	44,77	45,25	44.4	43.74	43.75	
7	Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi	99,1	99,5	98,8	99	99	
	- Nữ	99,3	99,46	99,44			
	- Dân tộc thiểu số	11	1	19	23	23	

8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)	21	24	21	15		
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có)	0					
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	7	13	12	11		
	- Nữ	2	3	3		3	
	- Dân tộc thiểu số	19	22	23	23	23	
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt						
12	Tỷ lệ chuyển cấp lớp 10	97,8	100,0	97,2		93,86	

b) Kết quả giáo dục (đối với trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học)

Số liệu	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017 - 2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Ghi chú
Tỉ lệ học sinh xếp loại giỏi	48,41	50,46	52,99	51,65	63,3	
Tỉ lệ học sinh xếp loại khá	39,05	30,06	34,90	33,09	27,24	
Tỉ lệ học sinh xếp loại yếu, kém	0,58	0,93	1,2	00	00	

Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	80,76	83,46	89,51	94,35	94,35	
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	17,80	14,47	8,94	5,04	1,78	
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình	1,44	2,07	1,55	0,61	0,25	
Tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học						Đối với nhà trường có lớp tiểu học
Tỉ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học						
Tỉ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học						
Các số liệu khác (nếu có)						

5. Các số liệu khác (nếu có)

.....

.....

Phần II**TỰ ĐÁNH GIÁ****A. ĐẶT VẤN ĐỀ****1. Tình hình chung của nhà trường**

Trường Trung học cơ sở Đồng Đa được xây dựng, hình thành vào năm 1986 với 1 trệt. Từ năm 1986 trường có tên là trường Phổ thông cơ sở Đồng Đa. Từ năm học 1986-1987 trường chỉ còn các lớp cấp 2 công lập theo quyết định số 85/QĐ-TCCQ ngày 10/1/1986 của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh.

Từ khi thành lập, nhà trường còn rất nhiều khó khăn về cơ sở vật chất nên công tác tuyển sinh cũng ảnh hưởng không ít đến chất lượng dạy học và các hoạt động giáo dục khác của nhà trường. Tháng 5/2017, được sự quan tâm của Quận ủy - Ủy ban nhân dân Quận Bình Thạnh xây dựng cơ sở mới, khang trang tọa lạc số 46 đường Võ Oanh phường 25 Quận Bình Thạnh.

Trường Trung học cơ sở Đồng Đa có nhiệm vụ tiếp nhận giảng dạy và giáo dục học sinh từ lớp 6 đến lớp 9 trên địa bàn phường 25 và các phường lân cận. Năm 2017 trường được xây mới với tổng diện tích khuôn viên $10.546m^2$, diện tích xây dựng $3.77,46m^2$, diện tích sàn xây dựng $11.441m^2$ bao gồm khu vực phòng học, các phòng chức năng $3.178,15m^2$, diện tích sân chơi $3.631,39m^2$. Trường được xây dựng theo mô hình 1 trệt 3 lầu gồm có 40 phòng học, 7 phòng chức năng. Khuôn viên trường tách biệt, yên tĩnh, an ninh, các lớp học thoáng mát tạo điều kiện thuận lợi cho việc giảng dạy và học tập.

Với sự nỗ lực không ngừng của tập thể cán bộ – giáo viên – nhân viên và học sinh Trường Trung học cơ sở Đồng Đa đã đạt thành tích là trường tiên tiến xuất sắc cấp thành phố nhiều năm liền cũng như bằng khen Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (4 lần). Năm học 2009-2010 Bộ Giáo dục tặng bằng khen; năm học 2010-2011 Thủ tướng chính phủ tặng bằng khen; năm học 2011-2012 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tặng cờ thi đua đơn vị xuất sắc; năm học 2013-2014 Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng Ba; năm học 2019-2020 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tặng cờ thi đua đơn vị xuất sắc.

Về cơ cấu tổ chức - nhân sự, trường có Chi bộ Đảng, tổ chức Công đoàn cơ sở, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh; có 6 tổ chuyên môn, 1 tổ văn phòng. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên là 70 người. Về học sinh, trường hiện có 36 lớp cho 4 khối 6, 7, 8, 9 với tổng số 1575 học sinh tập trung các Phường 25 và các phường lân cận trong quận Bình Thạnh.

Công tác quản lý chất lượng, trong những năm qua luôn là mối quan tâm hàng đầu của lãnh đạo nhà trường và được tổ chức thực hiện chặt chẽ, có hiệu quả từ cán bộ quản lý đến các Tổ chuyên môn. Nhà trường đảm bảo thực hiện đúng, đủ kế hoạch thời gian năm học và nội dung chương trình giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; việc đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá được đẩy mạnh, bên cạnh đó việc ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới phương pháp dạy học và quản lý cũng được chú trọng và đầu tư thêm các thiết bị dạy học cho các phòng học ứng dụng công nghệ thông tin. Nhà trường đã tổ chức việc dạy học 2 buổi/ngày cho học sinh khối 6, 7, 8, 9 theo tinh thần công văn 7291/BGDĐT-GDTrH của Bộ Giáo dục và Đào tạo là *tập trung cho việc phụ đạo học sinh yếu kém; bồi dưỡng học sinh giỏi; giãn thời gian với các nội dung dài, khó dưới sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn; tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; hoạt động văn nghệ, thể thao, và các hình thức Câu lạc bộ ngoại khóa phù hợp với đối tượng học sinh*, do đó đã tạo những chuyển biến khá mạnh mẽ trong nhiều năm liền nhà trường luôn có học sinh giỏi cấp quận, cấp thành phố và các phong trào thể thao cũng đạt được những giải cao trong quận và thành phố. Việc giáo dục đạo đức học sinh cũng được đặc biệt quan tâm, nhà trường chủ trương giáo dục đạo đức học sinh thông qua những tấm gương đạo đức, những mẫu chuyện đạo đức Hồ Chí Minh... kết hợp với nội dung cuộc vận động “*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*”. Công tác bồi dưỡng đội ngũ cũng được quan tâm và thực hiện thường xuyên. Cùng với việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “*Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ*

nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục” và các cuộc vận động của ngành, nhà trường còn khuyến khích và tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, công nhân viên nâng cao trình độ bằng nhiều hình thức, như: *tự học, đi học nâng cao, dự các lớp tập huấn ngắn ngày, hoặc tổ chức các buổi hội thảo chuyên đề, dự giờ, sinh hoạt tổ chuyên môn...* Về quản lý tài chính - tài sản, nhà trường thực hiện theo các văn bản pháp quy hiện hành của Nhà nước. Tất cả các nguồn tài chính, tài sản được quản lý, sử dụng một cách hiệu quả, đúng mục đích, theo nguyên tắc công bằng, minh bạch và công khai trên cơ sở *Quy chế chi tiêu nội bộ*.

Thuận lợi cơ bản của nhà trường là đội ngũ giáo viên đa số trẻ, nhiệt tình, có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn. Cán bộ quản lý nhà trường có kinh nghiệm và sâu sát trong quản lý - điều hành.

Khó khăn cần giải quyết hiện nay là hệ thống cơ sở vật chất của trường xuống cấp, trang thiết bị dạy học còn thiếu; còn nhiều học sinh có hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha mẹ ít quan tâm đến việc học tập của con, do đó ảnh hưởng không ít đến chất lượng học tập chung của nhà trường.

1. Mục đích tự đánh giá

Chất lượng giáo dục nói chung và chất lượng giáo dục phổ thông nói riêng ngày càng được xã hội quan tâm. Đảng, Nhà nước, Ngành Giáo dục và đào tạo bằng những chủ trương và biện pháp cụ thể đang phấn đấu cho một nền giáo dục có chất lượng tốt, nhằm đạt mục tiêu giáo dục đề ra năm 2021. Với chủ đề “Xây dựng trường học tiên tiến, hiện đại; thực sự là một trung tâm văn hóa, giáo dục. Gắn giáo dục với trí thức, đạo đức với giáo dục thể chất, giáo dục truyền thống văn hóa, rèn luyện con người về lý tưởng, phẩm chất, nhân cách, lối sống”.

Việc kiểm định chất lượng giáo dục của nhà trường có cái nhìn khái quát về những mặt mạnh, tích cực trong việc quản lý và tổ chức nhà trường, trong việc xem xét, đánh giá chất lượng đội ngũ một cách chân thực, đồng thời cũng giúp cho nhà trường có cơ hội đánh giá một cách hiệu quả việc thực hiện chương trình giáo dục và các hoạt động giáo dục mà nhà trường đã tiến hành trong nhiều năm

qua. Từ đó giúp cho tập thể sư phạm rút ra những bài học kinh nghiệm sâu sắc từ những con số thống kê chất lượng từng mặt hoạt động cụ thể. Tiếp tục đề ra những phương hướng hoạt động phù hợp và biện pháp khắc phục những tồn tại được ghi nhận trong chiến lược phát triển nhà trường trong giai đoạn sắp tới.

Quá trình tự đánh giá giúp cho việc xây dựng khối đoàn kết nội bộ trong tập thể sư phạm được thuận lợi hơn. Trong việc kiểm định từng tiêu chuẩn, xác minh từng tiêu chí, thống kê các chỉ số, đã giúp cho các bộ phận, các thành viên trong nhà trường tạo mối liên thông gắn bó và thông tin hai chiều cho nhau chặt chẽ hơn. Báo cáo kiểm định chất lượng giáo dục của nhà trường được xem là một công trình trí tuệ và tâm lòng của tập thể sư phạm. Thông qua báo cáo, mỗi thành viên của nhà trường đều có dịp được ghi nhận những đóng góp của mình và xem xét lại những hạn chế còn tồn tại để khắc phục.

3/ Quá trình tự đánh giá và những vấn đề nổi bật trong báo cáo tự đánh giá

Căn cứ vào Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ vào Công văn 4364/GDDT-KTKĐCLGD của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thực hiện công tác đánh giá chất lượng giáo dục năm học 2018–2019.

Nhà trường thực hiện các bước sau:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá: ngày 27 tháng 08 năm 2020.
- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá: ngày 27 tháng 08 năm 2020.
- Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng: từ 03 tháng 09 năm 2020 đến ngày 19 tháng 09 năm 2020.
- Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí: từ ngày 23 tháng 09 năm 2020 đến ngày 26 tháng 09 năm 2020.
- Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá: từ ngày 11 tháng 11 năm 2020 đến ngày 23 tháng 11 năm 2020.

- Công bố báo cáo tự đánh giá: ngày 29 tháng 11 năm 2020.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường Trung học cơ sở Đồng Đa là một trong những trường được thành lập sau khi sắp xếp lại mạng lưới trường lớp trong quận Bình Thạnh. Tuy khó khăn về cơ sở vật chất trong những năm đầu, song bộ máy tổ chức của nhà trường từ cán bộ quản lý đến tổ trưởng chuyên môn đều được bố trí đủ về số lượng. Trường tiếp nhận học sinh trong độ tuổi trên địa bàn, có đủ các khối lớp từ lớp 6 đến lớp 9, biên chế thành 38 lớp (năm học 2020 – 2021).

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường và địa phương, nhà trường đã xây dựng kế hoạch “Chiến lược phát triển nhà trường” với sự tham gia đóng góp ý kiến của toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường. Nội dung phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường đã thể hiện rõ thực trạng giáo dục, những thành tựu đã đạt được, những thuận lợi, thách thức, các mục tiêu phát triển giai đoạn 2016 – 2020; phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục về giáo dục trung học cơ sở nhằm củng cố và phát triển kết quả giáo dục tiểu học; đảm bảo cho học sinh có học vấn phổ thông nền tảng, hiểu biết cần thiết tối thiểu về kỹ thuật và hướng nghiệp để tiếp tục học trung học phổ thông hoặc chương trình giáo dục nghề nghiệp. Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường phù hợp với định hướng phát triển của Phường 25 về kinh tế phát triển kinh tế theo hướng dịch vụ - tiểu thủ công nghiệp; về văn hóa xã hội: xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư, thực hiện tốt chương trình Quốc gia về y tế, dân số, hạn chế thấp nhất tỉ lệ trẻ bỏ học, đảm bảo chế độ an sinh xã hội, đảm bảo mọi trẻ em được hưởng các dịch vụ y tế cơ bản và giáo dục có chất lượng. Từ tình hình thực tế Trường Trung học cơ sở Đồng Đa, nhà trường đã xây dựng kế hoạch “Chiến lược phát triển nhà trường” với mục tiêu xây dựng nhà trường trở thành môi trường học tập nền nếp, kỷ cương, có chất lượng giáo dục cao để mỗi học sinh đều có cơ hội, điều kiện phát triển năng lực và tư duy sáng tạo và có giá trị cốt lõi là “Lễ phép – Thân thiện – Trung thực – Sáng tạo” [H1-1.1-01].

b) Kế hoạch “Chiến lược phát triển nhà trường” các giai đoạn 2011-2015, 2016-2020 đã xây dựng bằng văn bản và được Trường Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh phê duyệt [H1-1.1-01].

c) Chiến lược phát triển đã được thông báo công khai đến toàn thể cán bộ, giáo viên, công nhân viên, học sinh của trường thông qua website thcsdongda.hcm.edu.vn [H1-1.1-02].

Mức 2:

Nhà trường thực hiện các giải pháp giám sát phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường như giám sát việc đổi mới kiểm tra đánh giá, [H1-1.1-03]; phương pháp dạy học tích cực [H1-1.1-04]; giám sát chất lượng quản lý toàn diện nhà trường bằng công nghệ thông tin [H1-1.1-05].

Mức 3:

Thời điểm sơ kết, tổng kết năm học Hội đồng trường thực hiện kiểm tra, rà soát nhằm rút ra những ưu điểm và hạn chế trên cơ sở các ý kiến đóng góp để thực hiện hiệu quả các mục tiêu đã đề trong chiến lược phát triển [H1-1.1-06]. Việc tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, nhưng chưa có sự tham gia của học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường xây dựng kế hoạch Chiến lược phát triển, được thông báo công khai tới toàn thể cán bộ, giáo viên, công nhân viên, học sinh qua website thcsdongda.hcm.edu.vn và kế hoạch đã được phê duyệt của lãnh đạo.

3. Điểm yếu:

Việc tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa có sự tham gia của học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2020-2021, Hiệu trưởng tổ chức sơ kết theo định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung các mục tiêu phát triển nhà trường đến bổ sung vào “Chiến lược phát triển nhà trường” cho phù hợp với giai đoạn hiện nay.

Tiếp tục công khai chiến lược phát triển của nhà trường đến cha mẹ học sinh trong các phiên họp định kỳ hằng năm, trên website nhà trường. Từ đó, nhà trường thu nhận ý kiến đóng góp của cha mẹ học sinh, nhằm góp phần thực hiện tốt các mục tiêu đổi mới toàn diện giáo dục đề ra trong kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Nhà trường có thành lập Hội đồng trường do Trường Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh ra quyết định công nhận [H1-1.2-01]. Ngoài ra có Hội đồng tư vấn như: Hội đồng thi đua [H1-1.2-02]; Hội đồng khoa học [H1-1.2-03]; Hội đồng tuyển sinh [H1-1.2-04]; Hội đồng xét tốt nghiệp trung học cơ sở [H1-1.2-05].

b) Các Hội đồng thực hiện nhiệm vụ theo đúng chức năng và quyền hạn qui định. Hội đồng trường làm việc theo Điều lệ trường và qui chế làm việc của Hội đồng Trường Trung học cơ sở Đống Đa [H1-1.2-06]; Hội đồng thi đua nhiệm vụ xét thi đua từng học kỳ và cuối năm [H1-1.2-07]; Hội đồng Trường giúp Hiệu trưởng định hướng các hoạt động nhà trường trong từng tháng [H1-1.2-08]; Hội đồng khoa học giúp Hiệu trưởng thẩm định sáng kiến, giải pháp công tác của các thành viên trong Hội đồng sư phạm [H1-1.2-9]; Hội đồng tuyển sinh thực hiện công tác tuyển sinh đúng qui định [H1-1.2-10]; Hội đồng xét tốt nghiệp trung học cơ sở có nhiệm vụ xét và đề nghị công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở cho những học sinh lớp 9 đủ điều kiện tốt nghiệp [H1-1.2-11].

c) Vào cuối mỗi năm học, nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá, nhằm rút kinh nghiệm các hoạt động đã thực hiện của các Hội đồng trong nhà trường. Đồng thời định hướng xây dựng tiêu chí thi đua, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.2-12].

Mức 2:

Hoạt động của Hội đồng trường; Hội đồng thi đua, khen thưởng góp phần nâng cao chất lượng giáo dục giúp nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, vì thế Trường Trung học cơ sở Đồng Đa đã được Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tặng danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” từ năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 và “Cờ Thi đua thành phố” năm học 2018-2019 [H1-1.2-13]. Tuy nhiên, các thành viên hội đồng trường chưa phát huy triệt để năng lực của cá nhân.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có đầy đủ các Hội đồng theo qui định, hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu:

Các thành viên Hội đồng trường chưa phát huy triệt để năng lực của cá nhân.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2020 – 2021, Hiệu trưởng tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động của các hội đồng trường.

Hiệu trưởng phát huy tính chủ động của từng thành viên trong các buổi họp Hội đồng trường qua việc thay đổi hình thức báo cáo, hay tiếp nhận ý kiến. Bên cạnh đó tạo điều kiện thuận lợi về thời gian và chế độ chính sách (tuyên dương khen thưởng) cho các thành viên trong Hội đồng trường phát huy năng lực cá nhân, từ đó phát huy tối đa sức mạnh của tập thể.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) *Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

b) *Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.*

Mức 3:

a) *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

b) *Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.*

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Trường có tổ chức Đoàn thể như: Công đoàn [H1-1.3-01]; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh [H1-1.3-02]; Đội thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh [H1-1.3-03]. Tổ chức khác như: Hội chữ Thập đỏ [H1-1.3-04]; Hội khuyến học [H1-1.3-05].

b) Công đoàn hoạt động theo Điều lệ Công đoàn Việt Nam [H1-1.3-06], Đoàn Thanh niên hoạt động theo Điều lệ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh [H1-1.3-07], Đội thiếu niên hoạt động theo Điều lệ Đội thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh [H1-1.3-08], Hội Chữ Thập đỏ nhà trường hoạt động theo Thông tư 07/2014/TT-BGDĐT quy định về hoạt động chữ thập đỏ trong trường học [H1-1.3-04], Hội khuyến học hoạt động theo Điều lệ Hội khuyến học Việt Nam phê duyệt kèm theo Quyết định số 151/QĐ-BNV ngày 4 tháng 01 năm 2017 của Bộ Nội vụ [H1-1.3-05].

c) Định kỳ vào cuối năm Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Liên đội, Hội chữ thập đỏ, Hội khuyến học đều tổng kết đánh giá hoạt động nhằm đề xuất khen thưởng các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, đề xuất biện pháp khắc phục những hạn chế, thiếu sót trong quá trình hoạt động [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04]; [H1-1.3-05].

Mức 2:

a) Nhà trường có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam là chi bộ Trường Trung học cơ sở Đồng Đa trực thuộc Đảng ủy phường 25 quận Bình Thạnh. Chi bộ có cơ cấu tổ chức và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hiện tại chi bộ có tất cả 30 đảng viên, trong đó cấp ủy gồm 03 đảng viên (02 thành viên trong cán bộ quản lý giữ chức vụ Bí thư, Phó bí thư). Chi bộ được cấp trên đánh giá hằng năm như sau [H1-1.3-10]:

Năm học 2015 – 2016: Trong sạch vững mạnh.

Năm học 2016 – 2017: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Năm học 2017 – 2018: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Năm học 2018 – 2019: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Năm học 2019 – 2020: Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

b) Nhà trường có tổ chức Chi bộ, Công đoàn, tổ chức Chi đoàn giáo viên, Liên đội tham gia tốt các hoạt động, phong trào của nhà trường [H1-1.3-08]; [H1-1.3-09]; [H1-1.3-10].

Ngoài ra, Hội chữ thập đỏ nhà trường đã đóng góp hai triệu đồng, 10 quyển tập, 02 áo trắng cho Hội chữ thập đỏ quận Bình Thạnh; Hội khuyến học trao 20 suất học bổng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn của nhà trường, góp phần trong công tác khuyến học, khuyến tài và tạo điều kiện tốt cho học sinh học tập [H1-1.3-05]; [H1-1.3-06].

Mức 3:

a) Chi bộ nhà trường được đánh giá có 01 năm trong sạch vững mạnh và 03 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-10].

b) Tổ chức Công đoàn, Chi đoàn và Liên đội nhà trường đã có hoạt động tích cực trong các hoạt động cộng đồng như: Công đoàn đóng góp hỗ trợ giáo viên vùng sâu vùng xa, giáo viên ngoại thành, hỗ trợ đồng nghiệp bệnh nan y [H1-1.3-11]; Chi đoàn và Liên đội thực hiện hoạt động chăm lo Bà Mẹ Việt Nam anh hùng, quyên góp sách, tập trắng, áo cho học sinh miền núi; quyên góp ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng lũ lụt miền Bắc, miền Trung; quyên góp lồng đèn giúp đỡ các em thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn vui tết Trung thu; tặng học bổng cho học sinh

ngoại thành [H1-1.3-12]; [H1-1.3-13], Hội chữ thập đỏ tổ chức tập huấn sơ cấp cứu [H1-1.3-14], vận động hiến máu nhân đạo [H1-1.3-15]. Tuy nhiên, hoạt động của Hội khuyến học của nhà trường chỉ hoạt động trong khuôn khổ nhà trường [H1-1.3-16], chưa mở rộng ra ngoài cộng đồng.

2. Điểm mạnh:

Các tổ chức đoàn thể nhà trường và các tổ chức khác đã đóng góp tích cực trong hoạt động nhà trường.

3. Điểm yếu:

Hội khuyến học của nhà trường chỉ hoạt động trong khuôn khổ nhà trường chưa mở rộng ra cộng đồng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Hiệu trưởng nhà trường tư vấn cho Ban chấp hành Hội khuyến học mở rộng hoạt động ra cộng đồng từ năm học 2020-2021. Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, Ban chấp hành hội Khuyến học Phường 25 thực hiện các chương trình khuyến học khuyến tài, tặng quà cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có Hiệu trưởng, số lượng Phó Hiệu trưởng theo quy định;*
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;*

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Trường Trung học cơ sở Đồng Đa là trường loại 01 nên có 01 Hiệu trưởng [H1-1.4-01] và 02 Phó Hiệu trưởng [H1-1.4-02] do Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh ra quyết định bổ nhiệm.

b) Nhà trường tổ chức bộ máy gồm 06 tổ chuyên môn gồm: tổ Ngữ văn – tổ Lịch sử - Địa lý - Giáo dục Công dân, tổ Toán học - Tin học, tổ Vật lý - Hóa học - Sinh học, tổ Ngoại ngữ, tổ Âm nhạc - Mỹ thuật - Kỹ thuật - Thể dục thể thao [H1-1.4-03], 01 tổ Văn phòng [H1-1.4-04], mỗi tổ đều có một tổ trưởng, một tổ phó do Hiệu trưởng ra quyết định bổ nhiệm để điều hành hoạt động của tổ [H1-1.4-05].

c) Các tổ chuyên môn đã xây dựng kế hoạch năm, kế hoạch cho từng tháng, kế hoạch cho từng tuần và sinh hoạt định kỳ hai lần trong một tháng [H1-1.4-06]. Tổ văn phòng có nhiệm vụ quản lý hồ sơ cán bộ, giáo viên, công nhân viên, học sinh; hỗ trợ các hoạt động giảng dạy, sinh hoạt định kỳ một lần trong một tháng [H1-1.4-07]. Tuy nhiên trường có 04 tổ chuyên môn ghép nên ảnh hưởng đến lịch sinh hoạt và công tác bồi dưỡng giáo viên của tổ.

Mức 2:

a) Hằng năm, các tổ chuyên môn có thực hiện 02 báo cáo chuyên đề đổi mới phương pháp giảng dạy, giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục cấp trường: dạy học dự án, chuyên đề ứng dụng kiến thức trồng trọt vào cuộc sống (môn kỹ thuật), áp dụng phương pháp giáo dục STEAM kết hợp với phương pháp dạy học tích cực... [H1-1.4-06]. Ngoài ra, các tổ chuyên môn còn thực hiện báo cáo chuyên đề chuyên môn cấp quận và cấp thành phố theo chỉ định của tổ trưởng bộ môn của quận [H1-1.4-08]; [H1-1.4-10].

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được tiến hành rà soát, đánh giá, điều chỉnh qua từng buổi họp của tổ theo từng tháng, sau mỗi học kỳ. Trong các buổi họp tổ trưởng đảm bảo tạo điều kiện cho từng thành viên tự đánh giá hoạt động của cá nhân, nhận xét công việc của tổ, nhóm chuyên môn với nhiệm vụ

được phân công [H1-1.4-08]; [H1-1.4-09].

Mức 3:

a) Các tổ chuyên môn trong nhà trường đã thực hiện truyền tải các chỉ đạo về chuyên môn của các trường bộ môn của quận, chỉ đạo chuyên môn từ cán bộ quản lý nhà trường cho các thành viên trong tổ và triển khai thực hiện [H1-1.4-06]; Phó Hiệu trưởng chỉ đạo cho tổ trưởng chuyên môn thăm lớp dự giờ 01 buổi/tuần, tổ chức cho các giáo viên dự giờ học hỏi kinh nghiệm giảng dạy tối thiểu 02 tiết/học kì [H1-1.4-11]. Điều đó đã đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng giáo dục học sinh. Tổ văn phòng thực hiện công việc quản lý học sinh [H1-1.4-12]; [H1-1.4-13], hỗ trợ chuẩn bị tốt đồ dùng dạy học, đồ dùng thực hành thí nghiệm cho công tác giảng dạy của giáo viên [H1-1.4-14]; [H1-1.4-15].

b) Hằng năm, mỗi tổ chuyên môn thực hiện chuyên đề bộ môn được sự đóng góp từ các thành viên trong nhóm bộ môn. Chuyên đề bộ môn đã có hiệu quả (mỗi học kì các tổ nhóm chuyên môn thực hiện 02 chuyên đề) góp phần nâng cao chất lượng giáo dục [H1-1.4-06]; [H1-1.4-09]; [H1-1.4-11].

2. Điểm mạnh:

Cơ cấu tổ chức các tổ chuyên môn và tổ văn phòng theo quy định. Hoạt động tổ chuyên môn, tổ văn phòng đóng góp tích cực vào việc nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

3. Điểm yếu:

Các tổ chuyên môn nhà trường đều là tổ ghép nên ảnh hưởng đến lịch sinh hoạt và công tác bồi dưỡng giáo viên của tổ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2020 – 2021, Hiệu trưởng chỉ đạo tiếp tục duy trì tốt nền nếp sinh hoạt tổ nhóm và giữ vững chất lượng hoạt động tổ chuyên môn để đáp ứng nhu cầu nâng cao và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho các giáo viên trong tổ.

Hiệu trưởng tiến hành sắp xếp các tổ chuyên môn khoa học, hợp lý như tách tổ để tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên sinh hoạt chuyên môn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học;*
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;*
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.*

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Sĩ số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Trường Trung học cơ sở Đồng Đa có đầy đủ các lớp từ khối 6 đến khối 9 trong cấp học, được chia như sau: 10 lớp 6; 11 lớp 7; 8 lớp 8 và 8 lớp 9 [H1-1.5-01].

b) Trong mỗi lớp học đều có phân công lớp trưởng và lớp phó điều hành hoạt động lớp. Mỗi lớp được tổ chức thành 4 tổ, mỗi tổ có tổ trưởng và tổ phó [H1-1.5-02].

c) Hoạt động của các lớp được điều hành do ban cán sự lớp và hoạt động theo nguyên tắc dân chủ, học sinh là trung tâm và đóng vai trò tích cực trong quá trình học tập, sinh hoạt tập thể [H1-1.5-02].

Mức 2:

Số lớp học trong nhà trường là 40 lớp, mỗi khối có 03 loại hình lớp phù hợp với đối tượng học sinh: Lớp bình thường (49 học sinh/lớp), lớp Tăng cường Anh văn (49 học sinh/lớp), lớp Tích hợp (35 học sinh/lớp). Sĩ số học sinh đều lớn hơn sĩ số qui định [H1-1.4-11].

Mức 3:

Trường có 36 lớp học. Sĩ số học sinh các năm đều quá 40 học sinh [H1-1.4-11].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có đủ các lớp của cấp học. Cơ cấu tổ chức lớp học đúng qui định.

3. Điểm yếu:

Sĩ số bình quân trong lớp hơn 45 học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tháng 4 năm học 2021, Hiệu trưởng tiếp tục tham mưu Hội đồng tuyển sinh quận phân tuyến số lượng không quá 45 học sinh trong mỗi lớp.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.***Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản***

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện đầy đủ hồ sơ quản lý về hành chính như: hồ sơ cán bộ - giáo viên - công nhân viên [H1-1.6-01]; sổ điểm [H1-1.4-02]; học bạ [H1-1.4-

03]; sổ đăng bộ [H1-1.6-04]; sổ quản lý cấp phát bằng [H1-1.6-05]; hồ sơ quản lý tài chính và tài sản [H1-1.6-06]; [H1-1.6-07]. Tất cả hồ sơ được lưu trữ cẩn thận và bảo quản khoa học theo quy định của Luật lưu trữ.

b) Hằng năm, nhà trường thực hiện lập dự toán ngân sách nhà nước và được cấp trên phê duyệt [H1-1.6-08], thực hiện thu chi [H1-1.6-09], quyết toán [H1-1.6-10], bảng thống kê, báo cáo tài chính, tài sản nhà nước đúng theo qui định. Nhà trường công khai tài chính hằng tháng trên bảng tin tại phòng giáo viên để cán bộ giáo viên, nhân viên nắm bắt thông tin và tham gia giám sát, kiểm tra. Công tác tự kiểm tra tài chính được tiến hành định kỳ 06 tháng/lần [H1-1.6-11]; [H1-1.6-12].

Hằng năm, quy chế chi tiêu nội bộ cập nhật theo điều kiện thực tế và các qui định hiện hành [H1-1.6-13].

c) Nhà trường quản lý tài chính tài sản đúng mục đích phục vụ cho công tác dạy và học, sửa chữa cơ sở vật chất [H1-1.6-06], mua sắm trang thiết bị dạy học vào đầu năm và đầu học kì hai [H1-1.6-14]. Tài sản nhà trường được sử dụng cho hoạt động giảng dạy và học tập của học sinh [H1-1.6-07], không cho thuê mượn phòng học hoặc trang thiết bị nhà trường [H1-1.6-06].

Mức 2:

a) Nhà trường ứng dụng công nghệ thông tin có hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường như: hệ thống quản lý cán bộ công chức [H1-1.6-15]; chương trình quản lý nhân sự trực tuyến EPMIS [H1-1.6-16]; phần mềm quản lý học sinh, quản lý trường học Smas [H1-1.6-17]; phần mềm quản lý tài chính IMAX 10.0 [H1-1.6-18]; phần mềm quản lý tài sản công [H1-1.6-19].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản [H1-1.6-20].

Mức 3:

Nhà trường chưa xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường thực hiện có hiệu quả trong việc quản lý và sử dụng tài chính và tài sản nhà trường cho mục đích dạy và học.

Ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin trong quản lý hành chính, tài chính và tài sản.

3. Điểm yếu:

Nhà trường chưa có kế hoạch trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tháng 10 năm học 2020-2021, Hiệu trưởng cùng kế toán thực hiện xây dựng kế hoạch trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường.

5 Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường thực hiện xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: Bồi dưỡng trình độ chuyên môn, trình độ quản lý, trình độ lý luận chính trị, trình độ công nghệ thông tin, công tác chủ nhiệm, nghiệp vụ thư viện – thiết bị, y tế học đường,... [H1-1.7-01]; [H1-1.7-

02], kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên [H1-1.7-03] và được Hiệu trưởng thông qua các buổi họp Hội đồng sư phạm nhà trường.

b) Nhà trường thực hiện phân công đội ngũ hợp lý theo khả năng, rõ ràng phù hợp với trình độ và chức năng nhiệm vụ, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường [H1-1.7-04]; [H1-1.7-05].

c) Nhà trường thực hiện đầy đủ các quyền cho cán bộ quản lý, giáo viên, công nhân viên được quy định tại Điều 32 của Điều lệ Trường trung học và các văn bản hiện hành khác. Chẳng hạn như: được quyền nắm bắt, góp ý các thông tin hoạt động nhà trường [H1-1.7-06]; quyền được đào tạo bồi dưỡng [H1-1.7-07]; quyền được đề xuất khen thưởng [H1-1.7-08]; hoặc kỷ luật học sinh [H1-1.7-09]; quyền được chăm lo sức khỏe, tinh thần [H1-1.7-10]; [H1-1.7-11].

Mức 2:

Nhà trường thực hiện tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, công nhân viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn như: đề cử cán bộ, giáo viên, công nhân viên tham gia các buổi tập huấn, tham gia các hội thi giáo viên giỏi cấp quận, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ do cấp trên tổ chức [H1-1.7-07], hỗ trợ kinh phí tham gia học tập. Tuy nhiên, nhà trường chưa xây dựng kế hoạch nâng chuẩn ngoại ngữ cho đội ngũ giáo viên, nhân viên theo chuẩn quy định.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã thực hiện bồi dưỡng và sử dụng có hiệu quả đội ngũ. Thực hiện đầy đủ các quyền cho cán bộ quản lý, giáo viên, công nhân viên.

3. Điểm yếu:

Chưa xây dựng kế hoạch nâng chuẩn ngoại ngữ cho đội ngũ giáo viên, nhân viên theo chuẩn quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2020-2021, nhà trường tiếp tục tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, công nhân viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, chính trị.

Mỗi năm, nhà trường phối hợp với trường bồi dưỡng giáo dục cử 05 giáo viên tham gia các lớp nâng cao trình độ ngoại ngữ theo chuẩn quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường căn cứ vào Chỉ thị nhiệm vụ năm học của Ủy ban nhân dân thành phố, Kế hoạch giáo dục của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh để xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02] và đội ngũ của nhà trường [H1-1.8-03].

b) Kế hoạch giáo dục của nhà trường được triển khai và thực hiện đầy đủ như: giảng dạy 02 buổi/ngày [H1-1.8-04]; [H1-1.8-05]; giảng dạy Tiếng Anh với người nước ngoài [H1-1.8-06]; giảng dạy Thể dục tự chọn [H1-1.8-07]; học tập trải nghiệm ngoài nhà trường [H1-1.8-08]. Giáo viên thực hiện kế hoạch đủ đúng chương trình theo kế hoạch cá nhân, kế hoạch giáo dục, dạy bù các buổi nghỉ.

c) Định kì nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch hoạt động giáo dục theo từng giai đoạn, từng học kì, từng tháng. Hiệu trưởng chỉ đạo các Phó Hiệu trưởng định kì kiểm tra hoạt động thực hiện chương trình của giáo viên thông qua thời khóa biểu, qua các buổi dự giờ thăm lớp. Các tổ chuyên môn hàng tháng hội họp theo đúng quy định và rà soát hoạt động dạy, chất lượng giáo dục của bộ môn. Từ đó cán bộ quản lý chỉ đạo thực hiện điều chỉnh, bổ sung kịp thời đối với các môn học theo đúng chương trình [H1-1.5-01]; [H1-1.8-09].

Mức 2:

Hiệu trưởng chỉ đạo các Phó Hiệu trưởng định kì tiến hành kiểm tra, đánh giá các hoạt động giáo dục thông qua việc rà soát đánh giá hoạt động dạy, chất lượng giáo dục bộ môn để điều chỉnh kế hoạch nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và được lãnh đạo của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh kiểm tra, đánh giá có hiệu quả:

Trường Trung học cơ sở Đồng Đa đã đạt thành tích là trường tiên tiến xuất sắc cấp thành phố nhiều năm liền cũng như bằng khen Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (4 lần). Năm học 2009-2010 Bộ Giáo dục tặng bằng khen; năm học 2010-2011 Thủ tướng chính phủ tặng bằng khen; năm học 2011- 2012 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tặng cờ thi đua đơn vị xuất sắc; năm học 2018-2019 ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tặng cờ thi đua đơn vị xuất sắc. Nhà trường không tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm và còn hạn chế trong công tác quản lý hoạt động dạy thêm ngoài nhà trường.

[H1-1.2-16].

2. Điểm mạnh:

Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng hằng năm và tổ chức thực hiện đầy đủ.

3. Điểm yếu:

Nhà trường còn hạn chế trong công tác quản lý hoạt động dạy thêm ngoài nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2020-2021, Hiệu trưởng thực hiện theo dõi kiểm tra việc dạy thêm học thêm theo đúng quy định thông qua các nguồn thông tin từ học sinh, cha mẹ học sinh và phản ánh từ dư luận địa phương. Thực hiện quản lý dạy thêm học thêm bên ngoài nhà trường theo đúng quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Trong hoạt động nhà trường, khi xây dựng kế hoạch, nội quy, qui định, qui chế đều được cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham gia thảo luận và đóng góp ý kiến trong các buổi họp tổ nhóm chuyên môn, họp Hội đồng sư phạm và trong Hội nghị công chức viên chức [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02].

b) Các khiếu nại, tố cáo không có; riêng các kiến nghị, phản ánh của tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường đều được Hiệu trưởng giải quyết thỏa đáng và xử lý đúng qui định của pháp luật: vấn đề thu nhập tăng thêm; cách tính tiết phụ trội dư giờ [H1-1.9-03].

c) Hằng năm, nhà trường có thực hiện báo cáo việc thực hiện qui chế dân chủ cơ sở trong Hội nghị công chức viên chức của nhà trường. Ban Thanh tra Nhân dân tổ chức giám sát thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả [H1-1.9-04].

Mức 2:

Ban chấp hành Công đoàn cơ sở đề ra các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ, công khai, minh bạch, các biện pháp và cơ chế giám sát: Tiếp tục thực hiện đổi mới phương thức lãnh đạo của Chi bộ, phương thức quản lý của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng và các đoàn thể trong nhà trường; tiếp tục công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức về thực hiện quy chế dân chủ. Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Thanh tra Nhân dân, các trưởng đoàn thể của nhà trường thực hiện nhiệm vụ giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở [H1-1.9-04]. Tuy nhiên, Ban Thanh tra Nhân dân chưa linh hoạt trong công tác giám sát.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã xây dựng qui chế dân chủ cơ sở và triển khai tổ chức thực hiện nghiêm túc theo qui định.

3. Điểm yếu:

Ban Thanh tra Nhân dân chưa linh hoạt trong công tác giám sát.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2020 – 2021, Ban Thanh tra Nhân dân xây dựng nhiều biện pháp, giám sát linh hoạt mới, để tăng cường cơ chế giám sát hiệu quả, tích cực hơn.

Hiệu trưởng tiếp tục ghi nhận và tuyên dương những ý kiến xây dựng, đóng góp của cán bộ, giáo viên, nhân viên cho nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng:

a) Hằng năm, nhà trường kết hợp với chính quyền địa phương, công an Phường 26 quận Bình Thạnh xây dựng nội quy, quy định và lên kế hoạch cụ thể về việc đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học [H1-1.10-01]. Nhà trường xây dựng các phương án: phương án phòng chống tai nạn thương tích [H1-1.10-02]; phương án phòng chống cháy nổ [H1-1.10-03]; phương án phòng chống dịch bệnh [H1-1.10-04]; phương án ngộ độc thực phẩm [H1-1.10-05]; phương án phòng tránh các tệ nạn xã hội [H1-1.10-06]. Hằng năm nhà trường được thẩm định và công nhận trường đạt an toàn phòng chống tai nạn thương tích; đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự. Nhà trường không có bếp ăn bán trú.

b) Nhà trường có tổ chức hộp thư góp ý đặt tại phòng Đoàn - Đội [H1-1.10-07], có phòng tiếp dân để tiếp nhận các thông tin phản ánh trực tiếp của người dân [H1-1.10-08]. Để đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh, Hiệu trưởng trực tiếp kiểm tra Phó Hiệu trưởng quản lý cơ sở vật chất – bán trú, tổ bảo vệ, nhân viên y tế về tình hình điện, nước, phòng chống cháy nổ, vệ sinh phòng dịch... và được cấp trên kiểm tra trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích, công nhận loại tốt [H1-1.10-09].

c) Từ năm học 2015-2016 đến nay, trong nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới cũng như bạo lực học đường. Hằng năm, Hiệu trưởng chỉ đạo cho cán bộ pháp chế, giáo viên môn Giáo dục công dân, Tổng phụ trách Đội xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến về bạo lực học đường và bình đẳng giới trong đội ngũ giáo viên, nhân viên và học sinh [H1-1.5-01].

Mức 2:

a) Nhà trường tuyên truyền việc an ninh, trật tự trong các buổi sinh hoạt đầu tuần, sinh hoạt chủ nhiệm [H1-1.5-02], đồng thời phối hợp đội trật tự Phường 25 đảm bảo an ninh trật tự trước cổng trường [H1-1.10-10]; Hiệu trưởng chỉ đạo và tổ chức nhân viên y tế tuyên truyền và thực hiện kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm,

kiểm tra nguồn nước, xây dựng phương án phòng chống ngộ độc thực phẩm [H1-1.10-11]; [H1-1.10-12]; nhà trường thường xuyên kiểm tra, rà soát cơ sở vật chất nhằm đảm bảo an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích cho học sinh [H1-1.10-09]; nhà trường tuyên truyền an toàn phòng, chống cháy, nổ thông qua bảng tin và các qui định, thực hiện phương án diễn tập phòng phòng, chống cháy nổ [H1-1.10-13]; nhà trường thực hiện tuyên truyền phòng chống các dịch bệnh theo mùa trên bảng tin góc truyền thông y tế [H1-1.10-14] và các buổi sinh hoạt đầu tuần [H1-1.10-15]; nhà trường tổ chức các báo cáo chuyên đề giáo dục kỹ năng sống dưới sân với nội dung phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường đến cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh [H1-1.10-16].

b) Nhà trường tổ chức đội sao đỏ thường xuyên kiểm tra, thu thập các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự báo cáo đến giáo viên chủ nhiệm [H1-1.5-01] và từ đó nhà trường đề ra các biện pháp ngăn chặn kịp thời các trường hợp ảnh hưởng an ninh trật tự và bạo lực học đường trong học sinh [H1-1.7-09]. Tuy nhiên, vẫn tồn tại việc học sinh xích mích, ganh ghét nhau và nói xấu nhau trên mạng xã hội.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã xây dựng và tổ chức thực hiện các phương án đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ nhằm đảm bảo an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường.

Nhà trường không để xảy ra mất an ninh trật tự, cháy nổ.

3. Điểm yếu:

Tồn tại việc học sinh xích mích, ganh ghét nhau và nói xấu nhau trên mạng xã hội.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2020 – 2021, Hiệu trưởng, giáo viên chủ nhiệm phối hợp với cha mẹ học sinh tiếp tục giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh.

Hiệu trưởng chỉ đạo Phó Hiệu trưởng, tổng phụ trách tổ chức nhiều chuyên đề giáo dục kỹ năng sống cho học sinh để hướng các em hoàn thiện lối sống (tháng 01-2021, tháng 03-2021).

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh nổi bật:

Bộ máy nhà trường được tổ chức đầy đủ và đúng quy định của Điều lệ trường trung học. Nhà trường chấp hành nghiêm túc mọi chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước cũng như mọi chỉ đạo của cấp trên. Thực hiện tốt quy chế dân chủ.

Điểm yếu cơ bản:

Chiến lược phát triển nhà trường chưa có sự tham gia của học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

Sĩ số học sinh nhiều hơn 45 học sinh một lớp.

Chưa có kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp.

* Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10

* Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/10

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Trường có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên đầy đủ, đạt chuẩn về trình độ đào tạo theo quy định. Tuy nhiên 02 nhân viên chưa qua các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ theo chuyên ngành. Giáo viên có trình độ chuyên môn đạt từ khá trở lên. Đội ngũ nhân viên thạo công việc, tự giác thực hiện nhiệm vụ được giao. Hoạt động chuyên môn và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ được đội ngũ giáo viên trong trường thực hiện tốt nên chất lượng giáo dục của nhà trường luôn đảm bảo. Học sinh của nhà trường đáp ứng các yêu cầu của Điều lệ trường trung học.

Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng

Mức 1:

a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;

b) Được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng trở lên;

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng nhà trường đảm bảo đủ tiêu chuẩn về trình độ, năng lực và số năm công tác theo quy định tại Điều lệ trường trung học: Hiệu trưởng có thời gian giảng dạy là 33 năm, Phó Hiệu trưởng thứ nhất có thời gian giảng dạy là 18 năm và Phó Hiệu trưởng thứ hai có thời gian giảng dạy là 11 năm [H2-2.1-01], tất cả cán bộ quản lý có trình độ Đại học [H2-2.1-02] và được bồi dưỡng qua lớp quản lý trường trung học cơ sở [H2-2.1-03].

b) Tất cả thành viên trong cán bộ quản lý hằng năm đánh giá chuẩn Hiệu trưởng trường trung học cơ sở như sau:

Năm học	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Đánh giá chuẩn	Xuất sắc: 3	Xuất sắc: 3	Xuất sắc: 2	Xuất sắc: 2	Xuất sắc: 3

Tất cả cán bộ quản lý được đánh giá đạt loại Tốt trở lên [H2-2.1-04]; [H2-2.1-05].

c) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng thường xuyên tham gia các lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức về chính trị [H2-2.1-06], tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục [H2-2.1-07]; [H2-2.1-08]; [H2-2.1-09]. Tuy nhiên, cán bộ quản lý chưa tự học nâng cao trình độ (thạc sĩ).

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng đều đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức Tốt trở lên [H2-2.1-04]; [H2-2.1-05].

b) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định [H2-2.1-06]. Hằng năm, nhà trường lấy ý kiến của giáo viên, nhân viên, học sinh góp ý về công tác quản lý của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng. Cán bộ quản lý được giáo viên, nhân viên, học sinh trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên [H2-2.1-04]; [H2-2.1-05].

2. Điểm mạnh:

Cán bộ quản lý đảm bảo các tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và có kinh nghiệm trong công tác quản lý và được sự tín nhiệm cao của tập thể sư phạm nhà trường, học sinh, cha mẹ học sinh.

3. Điểm yếu:

Cán bộ quản lý chưa học nâng cao trình độ (thạc sĩ).

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2020 – 2021, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng tiếp tục thực hiện tự bồi dưỡng đổi mới phương pháp quản lý phù hợp với điều kiện thực tiễn và quy mô phát triển nhà trường.

Tháng 10 năm học 2020 – 2021, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch cho cán bộ quản lý tham gia học tập nâng cao trình độ nghiệp vụ với lộ trình như sau:

Năm 2020	Hiệu trưởng
Năm 2021	Phó Hiệu trưởng chuyên môn

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) *Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;*

- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;
- c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

- a) Trường Trung học cơ sở Đồng Đa có 69 giáo viên biên chế, 03 giáo viên hợp đồng (từ năm học 2019 – 2020 đến năm học 2020 – 2021) được phân bổ dạy đầy đủ các bộ môn học bắt buộc theo quy định: nhóm Toán (11); nhóm Kỹ thuật (03); nhóm Tin học (02); nhóm Ngữ văn (10); nhóm Lịch sử (04); nhóm Giáo dục công dân (02); nhóm Địa lí (04); nhóm Hóa học (04); nhóm Vật lý (03); nhóm

Sinh vật (03); nhóm Thể dục (04); nhóm Ngoại ngữ (10); nhóm Âm nhạc (02); nhóm Mỹ thuật (02) [H1-1.7-04], học sinh được học đầy đủ số tiết của tất cả các môn học theo đúng số tiết quy định trong phân phối chương trình [H2-2.2-01]. Giáo viên chủ nhiệm đảm bảo tiết dạy ngoài giờ lên lớp [H2-2.2-02]; Nhóm giáo viên Thể dục đảm nhiệm hoạt động thể dục thể thao [H2-2.2-03]; Nhóm giáo viên Âm nhạc đảm nhiệm hoạt động văn hóa-văn nghệ [H2-2.2-04]; Giáo viên phụ trách công tác Pháp chế có nhiệm vụ tuyên truyền phổ biến pháp luật đến học sinh [H2-2.2-05]; [H2-2.2-06].

b) Nhà trường có 66 giáo viên, trong đó có 03 giáo viên có trình độ thạc sĩ (các môn Văn, Hóa, Toán học), 65 giáo viên có trình độ Đại học và 01 giáo viên có trình độ Cao đẳng sư phạm (môn Công nghệ). Tất cả giáo viên đạt chuẩn đào tạo với tỷ lệ 100% [H2-2.2-07].

Năm	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Thạc sĩ	2	3	3	4	4
Đại học	52	50	50	59	62
Cao đẳng	4	4	4	0	1

c) Trong 05 năm kể từ thời điểm đánh giá, nhà trường có tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức đạt trở lên là 100% [H2-2.2-08].

Năm học	Chuẩn nghề nghiệp giáo viên			
	Xuất sắc/Tốt	Khá	Trung bình/Đạt	Kém/Chưa đạt
2015-2016	37.5%	62.5%		
2016-2017	50%	48.2%		
2017-2018	93%	7%		
2018-2019	53%	3.4%	3.4%	17.2%
2019-2020	100%			

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần [H2-2.2-09].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có 90% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên [H2-2.2-10].

c) Trong các hoạt động trải nghiệm, nhà trường thực hiện phân công các giáo viên có khả năng tổ chức [H2-2.2-11], giáo viên chủ nhiệm lớp 9 thực hiện tư vấn hướng nghiệp, định hướng cho học sinh và cha mẹ học sinh có phương hướng lựa chọn sau tốt nghiệp trung học cơ sở [H2-2.2-12]. Giáo viên chưa thường xuyên thực hiện công tác hướng dẫn nghiên cứu khoa học cho học sinh. Đội ngũ giáo viên có phẩm chất, đạo đức tốt, có tinh thần đoàn kết, tương trợ, hỗ trợ nhau cùng tiến bộ trong công tác. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật [H1-1.2-08].

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có 66.7% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt [H2-2.2-09].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học:

Năm học 2018–2019, 2019 –2020, 2020–2021 nhà trường có 04 nghiên cứu khoa học: Đề tài ”Nghiên cứu sự liên quan giữa việc sử dụng internet với kết quả học tập của học sinh THCS và một số kiến nghị”, tác giả: Cô Đỗ Đình Bích Thủy; “Đề tài vận dụng các hệ thức về cạnh và góc trong tam giác vuông để giải các bài toán thực tế”, cô Cô Trần Thị Thanh Thúy; [H2-2.2-12].

2. Điểm mạnh:

Đội ngũ giáo viên đầy đủ về số lượng và cơ cấu, có trình độ đào tạo đạt từ chuẩn trở lên, trong đó trường có 04 thạc sĩ. Đội ngũ giáo viên có phẩm chất, đạo đức tốt, có tinh thần đoàn kết, tương trợ, hỗ trợ nhau cùng tiến bộ trong công tác.

3. Điểm yếu:

Việc hướng dẫn nghiên cứu khoa học cho học sinh và báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học chưa ổn định ở các năm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2020 – 2021, Phó Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo, bồi dưỡng cho giáo viên khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học cho học sinh để đảm bảo việc hướng dẫn nghiên cứu khoa học được thường xuyên.

Tháng 10 năm 2020, Hiệu trưởng chỉ đạo Phó Hiệu trưởng chuyên môn xây dựng kế hoạch thực hiện 02 đề tài nghiên cứu khoa học (môn Sinh học, Địa lý).

của giáo viên “Khảo sát các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục giới tính và đề xuất biện pháp góp phần nâng cao hiệu quả nhận thức cho học sinh THCS Đồng Đa quận Bình Thạnh”, tác giả: Đỗ Thị Lợi;

“Mô hình lọc nước đơn giản”, tác giả: cô Vũ Quỳnh Hương.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Nhà trường có lực lượng nhân viên 10 người, được phân công như sau: 01 nhân viên kế toán; 01 nhân viên văn thư; 01 nhân viên y tế; 01 nhân viên thư viện (kiêm nhiệm); 01 nhân viên thiết bị (kiêm nhiệm); 01 nhân viên thủ quỹ (kiêm nhiệm); 01 nhân viên phụ trách tư vấn học đường (kiêm nhiệm); 01 nhân viên phụ

trách Công nghệ thông tin; 04 nhân viên bảo vệ; 02 nhân viên phục vụ [H1-1.4-04].

b) Các nhân viên trong nhà trường được phân công công việc phù hợp với vị trí việc làm và năng lực của nhân viên: Nhân viên kế toán có trình độ đại học thực hiện các nhiệm vụ tài chính; nhân viên văn thư trình độ trung cấp thực hiện công tác văn thư – lưu trữ; nhân viên y tế trình độ trung cấp thực hiện công tác tuyên truyền phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe cho cán bộ - giáo viên - nhân viên và học sinh, kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm của căn tin, đơn vị cung cấp suất ăn của học sinh; nhân viên thư viện kiêm học vụ có nhiệm vụ công tác học vụ, quản lý hoạt động thư viện; nhân viên thiết bị phụ trách công tác sử dụng thiết bị dạy học; nhân viên thủ quỹ thực hiện nhiệm vụ thu tiền, chi gửi tiền mặt; nhân viên phụ trách tư vấn học đường hỗ trợ giáo viên chủ nhiệm trong công tác giáo dục học sinh; nhân viên phụ trách công nghệ thông tin có trình độ cao đẳng quản lý các hệ thống thông tin nhà trường. Trường có 04 nhân viên bảo vệ, 02 nhân viên phục vụ thực hiện nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công [H2-2.3-01].

c) Tất cả các nhân viên phối hợp hoạt động tốt, đảm bảo đầy đủ các hoạt động hành chính trong nhà trường và đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [H2-2.3-02].

Mức 2:

a) Nhà trường có 12 nhân viên và được cơ cấu theo khung vị trí việc làm theo qui định Thông tư 16/2017/TT-BGDĐT [H2-2.3-01].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật [H2-2.3-02].

Mức 3:

a) Nhà trường có các nhân viên đáp ứng vị trí việc làm: nhân viên kế toán có bằng Trung cấp kế toán; nhân viên thư viện có bằng Đại học Thư viện – thiết bị; Nhân viên y tế có bằng Trung cấp y tế; 01 nhân viên thiết bị (kiêm nhiệm); 01 nhân viên bảo vệ được bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp; 01 nhân viên văn thư có bằng Đại học Văn thư – Lưu trữ; 01 nhân viên phụ trách Công nghệ thông tin có bằng Đại học – Tin học [H2-2.3-03]. Tuy nhiên

còn 01 nhân viên phụ trách công tác tư vấn học đường, nhân viên bảo vệ có trình độ đào tạo chưa đáp ứng được vị trí việc làm.

b) Hằng năm, các nhân viên được cử tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ do Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Tài chính – Kế hoạch quận Bình Thạnh tổ chức: Bồi dưỡng nghiệp vụ thư viện, y tế, phòng cháy chữa cháy, sơ cấp cứu,... [H2-2.3-04].

2. Điểm mạnh:

Lực lượng nhân viên nhà trường làm việc đều tay, phối hợp tốt để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật

3. Điểm yếu:

Còn 01 nhân viên Thư viện chưa đạt được chuẩn chức danh nghề nghiệp, thiếu 01 nhân viên Thiết bị.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Hiệu trưởng tiếp tục đề cử và tạo điều kiện cho 01 nhân viên (tư vấn tâm lý học đường) tham gia lớp các lớp bồi dưỡng, lớp trung cấp chuyên ngành để đáp ứng chuẩn chức danh nghề nghiệp vào năm 2021-2022.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;*
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Trường Trung học cơ sở Đồng Đa thực hiện tuyển sinh theo sự phân tuyến của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh, thực hiện nghiêm túc độ tuổi tuyển sinh lớp 6 từ 11 tuổi [H2-2.4-01].

b) Học sinh của nhà trường đã thực hiện các nhiệm vụ của học sinh như: Kính trọng thầy cô, nhân viên [H2-2.4-02]; đoàn kết giúp đỡ nhau trong học tập [H1-1.5-02]; thực hiện tốt nội qui nhà trường, qui định pháp luật [H2-2.4-03]; thực hiện nhiệm vụ học tập và rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường [H2-2.4-04]; tham gia các hoạt động của trường, lớp, tập thể [H2-2.4-05], Đội Thiếu niên Tiền phong [H2-2.4-06]; gìn giữ, bảo vệ môi trường [H2-2.4-07], tài sản nhà trường [H2-2.4-08].

c) Học sinh nhà trường được đảm bảo quyền bình đẳng trong hưởng thụ giáo dục toàn diện [H1-1.8-01], đảm bảo về điều kiện thời gian [H1-1.8-06], cơ sở vật chất, vệ sinh [H1-1.8-04], an toàn tại lớp học [H2-2.4-09].

Học sinh được tôn trọng, bảo vệ, đối xử bình đẳng, dân chủ [H1-1.5-01]; được hưởng chế độ và chính sách đối với gia đình xóa đói giảm nghèo [H2-2.4-10], chính sách gia đình thương bệnh binh [H2-2.4-11], chính sách dân tộc Chăm, dân tộc Khmer [H2-2.4-12].

Mức 2:

Đối với học sinh vi phạm các hành vi không được làm như: nói tục, chửi thề, xả rác, trang phục không đúng qui định... được phát hiện kịp thời, giáo viên chủ nhiệm lớp thực hiện công tác tư vấn cho học sinh nhận thức hành vi sai trái [H1-1.5-02] và phối hợp với cha mẹ học sinh để cùng điều chỉnh hành vi, giúp học sinh thay đổi và có chuyển biến hạn chế vi phạm nội quy nhà trường [H1-1.7-09]. Tuy nhiên, vẫn còn xảy ra tình trạng học sinh vi phạm nền nếp, kỷ luật nhà trường.

Mức 3:

Số lượng học sinh đạt giải trong học tập cấp quận và cấp thành phố, quốc gia hằng năm:

Năm học 2015 – 2016: có 65 học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp quận, 21 học sinh đạt giải cấp thành phố.

Năm học 2016 – 2017: có 70 học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp quận, 25 học sinh đạt giải cấp thành phố.

Năm học 2017 – 2018: có 67 học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp quận, 21 học sinh đạt giải cấp thành phố.

Năm học 2018 – 2019: có 64 học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp quận, 26 học sinh đạt giải cấp thành phố.

Năm học 2019 – 2020: có 63 học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp quận, 23 học sinh đạt giải cấp thành phố.

Học sinh đạt các giải cao trong các kỳ thi cấp quận, cấp thành phố là tấm gương học tập có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động học tập của lớp và nhà trường [H2-2.4-13].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đảm bảo về độ tuổi, quyền và nhiệm vụ của học sinh.

Thành tích học tập và rèn luyện của học sinh toàn trường được giữ vững và nâng lên.

3. Điểm yếu:

Vẫn còn học sinh vi phạm nề nếp, kỷ luật nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2020-2021, nhà trường tiếp tục tăng cường tuyên truyền giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, thực hiện nhiều chuyên đề về “Giáo dục kỹ năng sống” với nhiều hình thức phong phú.

Hiệu trưởng chỉ đạo chặt chẽ giáo viên chủ nhiệm nhắc nhở việc thực hiện nội quy để hạn chế việc học sinh vi phạm tác phong, đi học trễ trong nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên nhà trường đầy đủ, đạt chuẩn về trình độ và năng lực theo quy định, hằng năm đều thực hiện tốt nhiệm vụ được giao và được đảm bảo các quyền và chế độ chính sách theo quy định.

Lực lượng nhân viên đầy đủ đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, thực hiện tốt công việc được phân công.

Học sinh được đảm bảo đầy đủ quyền và nhiệm vụ.

Điểm yếu cơ bản:

Còn 01 nhân viên Thư viện chưa đạt được chuẩn chức danh nghề nghiệp, thiếu 01 nhân viên Thiết bị.

*Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04

*Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Nhà trường tọa lạc trên khu đất riêng biệt có tường rào xung quanh, có số phòng học, phòng chức năng đạt chuẩn theo qui định.

Nhà trường đã quản lý và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, huy động được nhiều nguồn lực cùng tham gia xây dựng cơ sở vật chất ngày càng khang trang đầy đủ các điều kiện phục vụ cho dạy và học.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

a) *Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;*

b) *Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;*

c) *Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.*

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m²/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m²/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Khuôn viên nhà trường được trồng nhiều cây xanh, hoa kiểng hợp lý, tạo môi trường xanh, sân trường được láng xi măng bằng phẳng và được bộ phận phục vụ vệ sinh thường xuyên nên sạch, đẹp và an toàn trong các hoạt động giáo dục [H3-3.1-01]; [H2-2.4-09].

b) Trường Trung học cơ sở Đồng Đa được xây dựng trên khuôn viên riêng biệt có tường rào bao quanh; có cổng trường, biển tên trường đúng kích thước quy định [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03].

c) Khu chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu: bộ dụng cụ nhảy cao, bóng rổ, bóng đá, sân cầu lông, sân đá cầu đảm bảo cho học sinh vui chơi, tập thể dục và tổ chức các hoạt động giáo dục [H3-3.1-03]; sinh hoạt dưới sân [H3-3.1-04]; các chuyên đề giáo dục kỹ năng sống [H3-3.1-05]; các hoạt động Lễ, Hội [H3-3.1-06].

Mức 2:

Nhà trường hiện có sân tại trung tâm của trường dùng để tổ chức các hoạt động giáo dục, dùng làm sân chơi cho học sinh ngoài giờ học và dùng làm bãi tập cho các giờ thể dục của nhà trường [H3-3.1-01].

Mức 3:

Diện tích trường là 10.546 m² với tổng số học sinh 1586 em, đạt 6,64

m²/học sinh chưa đáp ứng đúng quy định. Trường có 01 sân chơi, bãi tập với diện tích 3.631,39m² (chiếm 34,7% tổng diện tích sử dụng của trường) [H3-3.1-01]; [H3-3.1-07].

2. Điểm mạnh:

Khuôn viên, sân chơi, bãi tập có nhiều cây xanh, tạo không gian thoáng đãng phục vụ tốt cho sinh hoạt và học tập.

3. Điểm yếu:

Sân chơi và bãi tập được sử dụng chung, diện tích chưa đủ 6m²/học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tháng 4 năm học 2020 – 2021, Hiệu trưởng tham mưu với lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo điều phối tuyển sinh đầu cấp trên địa bàn quận nhằm giảm tải học sinh nhập học để nhà trường đủ điều kiện mở rộng diện tích hoạt động của học sinh phù hợp với diện tích thực tế của nhà trường và quy định chung của cấp học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khôi phục vụ học tập

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khôi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Phòng học của nhà trường có đầy đủ thiết bị như: bàn ghế học sinh loại 02 chỗ phù hợp tầm vóc học sinh; bàn ghế giáo viên; bảng viết đúng quy định; có trang bị thêm hệ thống âm thanh phục vụ giảng dạy; có hệ thống đèn chiếu sáng (10 bóng 1,2m); có hệ thống máy chiếu và hệ thống quạt đảm bảo ánh sáng và thoáng mát [H3-3.2-01]. Số phòng học tương ứng với số lớp học đảm bảo điều kiện thực hiện hoạt động dạy học 02 buổi/ngày [H3-3.2-05].

b) Nhà trường có các phòng học bộ môn như: 02 phòng Tin học; 01 phòng Âm nhạc – Hội trường; 01 phòng thực hành thí nghiệm Hóa học; 01 phòng thực hành thí nghiệm Sinh học; 01 phòng thực hành Vật lý – Công nghệ; 03 phòng nghe nhìn được trang bị ti vi và âm thanh [H3-3.2-02].

c) Nhà trường có 01 phòng thư viện [H3-3.2-03], 01 phòng dùng chung cho Đoàn – Đội và 01 phòng truyền thống [H3-3.2-04].

Mức 2:

a) Trường được xây dựng năm 2012 nên các phòng học có diện tích $56m^2$, phòng học bộ môn Âm nhạc – hội trường có diện tích $56m^2$, các phòng thực hành thí nghiệm: môn Hóa học, môn Sinh học, môn Vật lý – Công nghệ có diện tích $96m^2$ đáp ứng theo tiêu chuẩn quy định hiện hành, chưa đảm bảo thuận lợi cho học sinh khuyết tật về thị lực (01 học sinh) [H3-3.2-03]; 02 phòng giảng dạy Stem.

b) Nhà trường có khôi phục vụ học tập như thư viện [H3-3.2-03], phòng Đoàn – Đội – tư vấn tâm lý, phòng truyền thống [H3-3.2-04], phòng Giáo dục thể chất, phòng vi tính, phòng Thiết bị đồ dùng chuẩn bị giảng dạy đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường [H3-3.2-05].

Mức 3:

Các phòng học của nhà trường chỉ trang bị các thiết bị cơ bản dạy học theo quy định như: tủ đựng thiết bị, hệ thống âm thanh, màn chiếu, máy chiếu [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02]. Phòng học bộ môn: phòng Tin học; phòng thực hành thí nghiệm Hóa học; phòng thực hành thí nghiệm Sinh học; phòng thực hành Vật lý – Công nghệ; phòng Hội trường – Âm nhạc được trang bị máy chiếu và âm thanh [H3-3.2-06]. Nhà trường không có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt.

2. Điểm mạnh:

Phòng học được trang bị đầy đủ các thiết bị phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và học tập.

3. Điểm yếu:

Không có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2020 – 2021, Hiệu trưởng thực hiện tham mưu cho Ủy ban nhân dân quận. Hiệu trưởng sắp xếp 01 phòng dùng để cho các hoạt động giáo dục học sinh hoàn cảnh đặc biệt (khu A lầu 1).

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;

c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Trường có các phòng đáp ứng cho công tác hành chính - quản trị: 01 phòng Hiệu trưởng; 02 phòng Phó Hiệu trưởng; 01 phòng Hội đồng giáo viên; 01 phòng hành chính; 01 phòng y tế; 01 phòng tài vụ; phòng Đoàn – Đội – tư vấn học đường; 02 phòng kho; 01 phòng bảo vệ và 01 phòng tiếp dân [H3-3.3-01]. Các phòng hành chính được bố trí gần cổng trường tạo thuận lợi trong việc liên hệ công tác (khu A).

b) Nhà trường có 02 khu để xe riêng biệt: khu để xe giáo viên được bố trí phía sau lưng dãy phòng học của khu B, có mái che đảm bảo an toàn; khu để xe học sinh bố trí tại khu vực cổng sau đảm bảo an toàn, trật tự, có bảo vệ trông giữ và nằm trong khuôn viên nhà trường [H3-3.3-02]; [H3-3.3-03].

c) Định kì tháng 8 hằng năm, nhà trường thực hiện sửa chữa các trang thiết bị hư hỏng và trang bị bổ sung các thiết bị cần thiết để phục vụ công tác giảng dạy trong năm học mới [H3-3.3-04].

Mức 2:

Khối hành chính – quản trị của nhà trường đáp ứng được yêu cầu hoạt động trong nhà trường: Phòng Hiệu trưởng đặt ở vị trí thuận tiện cho yêu cầu của nhà trường có diện tích 28m², 02 phòng Phó Hiệu trưởng có diện tích 56m², phòng Hành chính – quản trị được thiết kế 21m², phòng giáo viên 84m², phòng Y tế 33m², phòng tài vụ 28m², phòng bảo vệ đặt ngay cổng trường, có vị trí quan sát thuận lợi diện tích 16m² [H3-3.3-01]. Trường có tổ chức bán trú cho học sinh với hình thức hợp đồng suất ăn công nghiệp [H3-3.3-05], học sinh được tổ chức ăn tại nhà ăn bố trí ở khu vực phía sau khu C [H3-3.3-06] và nghỉ trưa tại trường trong các lớp học, phòng chức năng, 04 phòng ngủ bán trú tại khu vực tầng trệt, tầng 1, tầng 2 [H3-3.3-07] đảm bảo vệ sinh, an toàn cho học sinh. Tuy nhiên, chưa có phòng nghỉ trưa cho giáo viên, nên giáo viên còn nghỉ trưa trong phòng y tế và phòng Hội đồng giáo viên.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị được trang bị đầy đủ các thiết bị văn phòng như: máy tính nối mạng có máy in, máy photocopy, máy scan, điện thoại để bàn, hệ thống tủ đựng hồ sơ, bàn làm việc... được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường [H3-3.3-08].

2. Điểm mạnh:

Khu hành chính – quản trị của nhà trường được bố trí tập trung và liền kề tạo điều kiện thuận lợi cho quản lý, điều hành và sự liên hệ của cha mẹ học sinh được dễ dàng.

3. Điểm yếu:

Chưa sắp xếp phòng nghỉ trưa cho giáo viên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tháng 12 năm học 2020-2021, Hiệu trưởng sắp xếp cơ sở vật chất nhà

trường để có 1 phòng nghỉ trưa cho giáo viên tại khu D tầng trệt.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Trường có 01 khu nhà vệ sinh riêng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên được đặt tại cuối hàng lang khu A, và 02 khu vệ sinh cho học sinh đặt tại khu C (mỗi tầng), mỗi khu nhà vệ sinh đều có trang bị máy lạnh, thiết bị máy sấy tay cho học sinh (nhà vệ sinh nam, vệ sinh nữ riêng biệt) đảm bảo hợp vệ sinh, thoáng, có đủ ánh sáng [H3-3.4-01]. Các nhà vệ sinh đều có phân công nhân viên trực vệ sinh thường xuyên nên đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường [H3-3.4-02]. Trường không có học sinh khuyết tật nên khu vệ sinh học sinh không trang bị thiết bị riêng cho trẻ khuyết tật [H3-3.4-01].

b) Trường có hệ thống thoát nước ngầm đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.4-03], nhà trường sử dụng hệ thống nước thủy cục cho sinh hoạt của giáo viên và học sinh [H3-3.4-04], trang bị nước tiết trùng cho giáo viên, nhân viên [H3-3.4-05], [H3-3.4-06].

c) Nhà trường hợp đồng với hợp tác xã vệ sinh môi trường Thống Nhất để thu gom rác sinh hoạt hằng ngày [H3-3.4-07]. Khu vực tập trung rác thải được bố trí khu vực phía cổng sau, không có rác thải, nước thải tồn đọng trong khu vực sân trường. Nhà trường bố trí đủ các thùng rác ở những địa điểm hợp lý và truyền thông cho các em học sinh kỹ năng phân loại rác, xử lý, sử dụng vật liệu tái chế [H3-3.4-07].

Mức 2:

a) Khu vệ sinh của học sinh được bố trí ở hai góc cuối hành lang tại khu C của mỗi tầng (nhà vệ sinh nam, nữ riêng biệt) đảm bảo thuận tiện cho học sinh sử dụng, được xây dựng phù hợp với cảnh quan. Tuy nhiên, số bệ xí dùng cho học sinh nữ là 40 (tỷ lệ 43.75 học sinh/bồn cầu), số bệ xí nam là 40 (tỷ lệ 43.75 học sinh/bồn cầu) chưa đáp ứng yêu cầu qui định [H3-3.4-01].

Khu vệ sinh của giáo viên được bố trí sát phòng y tế tại khu A tạo thuận tiện cho giáo viên sử dụng [H3-3.4-01].

b) Nhà trường có hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế, nhà trường thực hiện thu gom rác từ các phòng học và phòng chức năng vào các thùng rác công nghiệp. Rác được hợp tác xã vệ sinh môi trường Thống Nhất thu gom và xử lý hàng ngày [H3-3.4-07].

2. Điểm mạnh:

Công trình nhà vệ sinh có trang bị quạt, đảm bảo phục vụ tốt cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

3. Điểm yếu:

Số lượng bệ xí nhà vệ sinh cho học sinh còn ít (45 bồn tiểu nam, 45 bồn cầu cho học sinh nam, 45 bồn cầu cho học sinh nữ) so với số lượng học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục cải thiện điều kiện, trang thiết bị nhà vệ sinh học sinh ngày một tốt hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Nhà trường có đầy đủ các trang thiết bị cho văn phòng như máy tính nối mạng, máy in, máy scan, máy photocopy, điện thoại để bàn [H1-1.6-02]. Nhà trường có các thiết bị phục vụ cho hoạt động như: Hệ thống loa phát thanh; hệ thống âm thanh cho lễ hội; chuông và trống để báo giờ [H3-3.5-01].

b) Nhà trường có đầy đủ thiết bị, đồ dùng dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định của Thông tư số 19/2009/TT-BGDĐT ngày 11/8/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học cơ sở. Ngoài ra, cán bộ quản lý và giáo viên chủ nhiệm đã tích cực vận động cha mẹ học sinh, mạnh thường quan hỗ trợ máy móc thiết bị hiện đại phục vụ cho hoạt động dạy và học như máy vi tính, máy chiếu, màn hình Led [H3-3.5-02]; [H3-3.2-01].

c) Tất cả các thiết bị văn phòng và thiết bị dạy học đều được thực hiện kiểm kê hằng năm vào cuối năm dương lịch [H3-3.5-04]; [H3-3.5-05]. Các thiết bị chưa đạt yêu cầu đều được sửa chữa kịp thời để phục vụ cho hoạt động của nhà trường [H3-3.5-06].

Mức 2:

a) Nhà trường có hệ thống máy tính gồm 8 máy được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý và 102 máy tính nối mạng Internet phục vụ hoạt động dạy học [H3-3.5-04]; [H3-3.5-05].

b) Nhà trường có đủ thiết bị dạy học theo danh mục đồ dùng dạy học: Tranh ảnh, lược đồ, mô hình, mẫu vật, dụng cụ, hóa chất, băng đĩa,... theo quy định [H3-3.5-02];

c) Vào đầu năm học, nhà trường tiến hành trang bị, mua sắm bổ sung các thiết bị dạy học được tổ nhóm chuyên môn đề xuất [H1-1.6-12]; [H3-3.5-04] và giáo viên thực hiện làm đồ dùng dạy học [H3-3.5-03]. Đồ dùng dạy học tự làm của giáo viên chưa được phong phú.

Mức 3:

Trường có phòng thực hành thí nghiệm Hóa học, thực hành thí nghiệm Sinh học, phòng thực hành Vật Lý có đủ thiết bị đảm bảo các tiết thực hành thí nghiệm theo qui định của từng bộ môn [H1-1.4-14]. Các thiết bị, đồ dùng dạy học; thiết bị dạy học tự làm được giáo viên thường xuyên sử dụng đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H3-3.5-07]; [H3-3.5-08].

2. Điểm mạnh:

Các thiết bị, đồ dùng dạy học; thiết bị dạy học tự làm được giáo viên thường xuyên sử dụng đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Thiết bị dạy học được bổ sung hằng năm.

3. Điểm yếu:

Đồ dùng dạy học tự làm của giáo viên thực hiện chưa được phong phú.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2020 – 2021, Hiệu trưởng giao cho Phó Hiệu trưởng xây dựng chỉ tiêu làm đồ dùng dạy học vào thi đua của tổ, nhóm bộ môn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Thư viện nhà trường có diện tích 80 m² đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hằng năm, thư viện đều được trang bị sách giáo khoa và các sách tham khảo, tài liệu dạy và học; các loại báo: Tuổi trẻ, Giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh, Phụ nữ, Người lao động, Sài Gòn giải phóng; tạp chí: Văn học tuổi trẻ, Toán học tuổi trẻ; bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa, theo yêu cầu tối thiểu phục vụ các hoạt động dạy học và nghiên cứu, các hoạt động khác của nhà trường [H3-3.6-01].

b) Thư viện nhà trường có xây dựng lịch đọc sách cho học sinh vào các ngày từ thứ hai đến thứ sáu [H3-3.6-03]. Hoạt động của thư viện đã đáp ứng được nhu cầu cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh mượn sách để nghiên cứu và tham khảo, giải trí. Các danh mục, đầu và bản sách, báo, tạp chí, tài liệu tham khảo, các văn bản quy phạm pháp luật được thống kê đầy đủ và sắp xếp khoa học. Có đầy đủ các loại sổ sách theo dõi mượn, trả sách, báo, tạp chí được lưu trữ tại hồ sơ thư viện. Hằng năm, nhân

viên thư viện có phối hợp với các tổ chuyên môn triển khai tổ chức nhiều chuyên đề, hội thi, triển lãm nhằm giúp học sinh và giáo viên tiếp cận nhiều hơn với sách (giới thiệu sách, hội thi Lớn lên cùng sách) [H3-3.6-04]; [H3-3.6-05].

c) Hằng năm thư viện nhà trường thực hiện kiểm kê vào cuối mỗi học kì [H3-3.6-06] và lên kế hoạch mua sắm, bổ sung các loại sách tham khảo các bộ môn Toán học, Ngữ văn, Ngoại ngữ ..., báo phục vụ công tác giảng dạy như tạp chí Toán học, tạp chí Văn học và các hoạt động khác của nhà trường [H3-3.6-07]; [H3-3.6-08].

Mức 2:

Năm học 2013-2014, thư viện của nhà trường được công nhận đạt chuẩn và từ năm học 2014-2015 đến nay thư viện nhà trường được công nhận thư viện trường học xuất sắc [H3-3.6-09].

Mức 3:

Từ năm học 2014-2015 đến nay thư viện nhà trường được công nhận thư viện trường học xuất sắc [H3-3.6-09]. Thư viện có 04 máy tính được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.6-02]. Tuy nhiên, nhà trường chưa thực hiện kế hoạch xây dựng mô hình thư viện xanh.

2. Điểm mạnh:

Thư viện nhà trường đã trang bị đầy đủ sách báo và máy tính nối mạng, tổ chức hoạt động tốt và được công nhận là thư viện trường học xuất sắc.

3. Điểm yếu:

Nhà trường chưa thực hiện xây dựng mô hình thư viện xanh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường tiếp tục giữ vững danh hiệu thư viện xuất sắc.

Năm học 2020-2021, Hiệu trưởng mở rộng khuôn viên đọc sách cho học sinh xây dựng mô hình thư viện xanh nhằm phát huy hiệu quả hoạt động của thư viện.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường làm tốt công tác quản lý cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học của nhà trường. Nhà trường đảm bảo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về trang bị thiết bị văn phòng, phòng học, phòng thiết bị, khuôn viên, sân chơi khu vệ sinh đáp ứng nhu cầu đội ngũ giáo viên và học sinh. Hoạt động thư viện được cấp trên đánh giá tốt.

Điểm yếu cơ bản:

Chưa trang bị phòng đa năng và phòng để dạy học theo định hướng Stem.

Số lượng bệ xí chưa đáp ứng theo quy định.

*Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06

*Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Mối quan hệ giữa ba môi trường: nhà trường, gia đình và xã hội đã được củng cố và tăng cường nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện. Ban đại diện Cha mẹ học sinh luôn gắn bó và hỗ trợ nhà trường có hiệu quả trong mọi hoạt động. Đảng ủy và chính quyền cùng các ban ngành đoàn thể luôn quan tâm sâu sát và tạo mọi điều kiện để nhà trường thực hiện nhiệm vụ giáo dục tại địa phương.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Đầu năm học, nhà trường tổ chức Hội nghị cha mẹ học sinh tại các lớp để bầu ra Ban đại diện tham gia Hội nghị cha mẹ học sinh toàn trường [H4-4.1-01]. Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03].

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường phối hợp với Hiệu trưởng đã đề ra phương hướng kế hoạch hoạt động, làm việc cụ thể và hằng năm được phổ biến rộng rãi đến cha mẹ học sinh toàn trường. Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp với nhà trường trong việc quản lý, giáo dục học sinh và thực hiện những nhiệm vụ do Ban đại diện cha mẹ học sinh đề ra. Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm của lớp để chăm lo, quản lý, động viên học sinh tích cực tự giác học tập, rèn luyện đạo đức, tuân thủ nội quy của nhà trường. Kiến nghị với nhà trường tạo điều kiện cho con em mình học tập và rèn luyện [H4-4.1-03].

c) Phương hướng kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh đã được thực hiện theo đúng tiến độ đề ra [H4-4.1-04].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục của nhà trường. Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp, trường đã phối hợp với nhà trường góp phần huy động học sinh đến trường và phổ biến các hoạt động giáo dục của nhà trường, chủ trương chính sách về giáo dục trong năm học đến cha mẹ học sinh [H4-4.1-03]. Từ đó, cha mẹ học sinh có biện pháp nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, giáo dục con em [H4-4.1-05].

Mức 3:

Ban Đại diện cha mẹ học sinh đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức hoạt động phong trào, hội thi (hội thi văn nghệ, hội Xuân, hội thi múa dân vũ...) [H4-4.1-04]; khen thưởng cho học sinh có thành tích trong học tập và phong trào [H4-4.1-04]; tư vấn cho nhà trường trong hoạt động giáo dục học sinh [H4-4.1-03]. Tuy nhiên, Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động chưa đồng đều giữa các lớp, chưa phối hợp với các tổ chức xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

2. Điểm mạnh:

Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp và nhà trường được thành lập theo đúng quy định của Điều lệ, trên tinh thần tự nguyện, đảm bảo nguyên tắc dân chủ, đoàn kết và tôn trọng lẫn nhau.

Ban đại diện cha mẹ học sinh, phối hợp với giáo viên chủ nhiệm và nhà trường trong mọi hoạt động, đóng góp nhiều công trình thiết thực phục vụ hoạt động dạy và học.

3. Điểm yếu:

Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động chưa đồng đều giữa các lớp, chưa phối hợp với các tổ chức xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Vào đầu năm học 2020 – 2021, Hiệu trưởng phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh huy động các nguồn lực từ các công ty, xí nghiệp, mạnh thường quân các tổ chức xã hội trong việc chăm lo cho con em, nhất là khuyến học khuyến tài.

Từ năm học 2020 – 2021, Hiệu trưởng huy động Ban đại diện cha mẹ học sinh tích cực đề xuất các biện pháp hỗ trợ giáo dục học sinh. Giáo viên chủ nhiệm tuyên truyền cụ thể đến cha mẹ học sinh về quyền và nhiệm vụ của Ban đại diện cha mẹ học sinh theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh để hỗ trợ các lớp tốt hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng:

a) Nhà trường căn cứ vào tình hình thực tế tại đơn vị đã tham mưu với Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh và Phòng Giáo dục và Đào tạo trong việc xây dựng kế hoạch tuyển sinh [H4-4.2-01], kế hoạch tuyển dụng giáo viên, công nhân viên [H4-4.2-02], nhu cầu sửa chữa cơ sở vật chất [H4-4.2-03].

b) Nhà trường phối hợp với các tổ chức đoàn thể, của địa phương trong việc xây dựng môi trường giáo dục an toàn lành mạnh: ký kết Công an Phường 26, quận Bình Thạnh trong việc bảo đảm tình hình an ninh trật tự xung quanh trường

và trên địa bàn trường trú đóng; phối hợp với Đoàn phường trong việc tổ chức các hoạt động hội diễn văn nghệ, chủ nhật xanh ... [H1-1.3-12].

c) Nhà trường thực hiện huy động các nguồn lực tự nguyện từ Hội cha mẹ học sinh [H4-4.2-04], Mạnh thường quân [H4-4.2-05] để thực hiện khen thưởng học sinh giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc [H4-4.2-06]; thực hiện trao tặng học bổng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn [H4-4.2-07].

Mức 2:

a) Nhà trường thực hiện tham mưu Quận ủy, Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh về việc sửa chữa, trang thiết bị dạy học hiện đại tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển [H4-4.2-03].

b) Thực hiện phối hợp Quận đoàn, đoàn Phường 26, Bác đội viên danh dự để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao [H4-4.2-09] tổ chức cho học sinh chăm sóc di tích lịch sử Lăng Ông Lê Văn Duyệt [H4-4.2-10]; tham quan công trình văn hóa [H4-4.2-11]; thăm hỏi gia đình thương binh, liệt sĩ; Chi đoàn giáo viên và Liên đội thực hiện chăm sóc gia đình có công với cách mạng – bác Tư Cang thương binh 2/4 Phường 25 [H4-4.2-12].

Mức 3:

Trường Trung học cơ sở Đồng Đa đã tuyên truyền, tổ chức cho cán bộ, giáo viên, công nhân viên thực hiện tốt các tiêu chí thi đua trường học có đời sống văn hóa tốt. Hằng năm, đã được Đoàn kiểm tra cấp quận đánh giá và công nhận trường học có đời sống văn hóa tốt [H4-4.2-13]. Tuy nhiên, Hiệu trưởng chưa tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền Phường 25 xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường thực hiện phối hợp tốt với chính quyền, các tổ chức đoàn thể tại địa phương trong việc thực hiện mục tiêu giáo dục nhà trường.

Thực hiện tốt công tác tham mưu với các cấp lãnh đạo nhằm tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

3. Điểm yếu:

Hiệu trưởng chưa tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền Phường 25 xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Cán bộ, giáo viên, công nhân viên tiếp tục thực hiện tốt các tiêu chí thi đua trường học có đời sống văn hóa tốt.

Tháng 9 năm học 2020 – 2021, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch phối hợp với chính quyền Phường 25 hỗ trợ về kinh phí, cơ sở vật chất tổ chức các hoạt động hè cho thiếu nhi, thanh thiếu niên của địa phương; tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền Phường 25 xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường đã thực hiện tốt việc tuyên truyền, vận động, huy động được các nguồn lực phục vụ cho hoạt động giáo dục. Thành lập được Ban đại diện Cha mẹ học sinh các lớp, Ban đại diện Cha mẹ học sinh trường nhiệt tình, tích cực, am hiểu về giáo dục, hoạt động đúng chức năng, sáng tạo, hoạt động có hiệu quả theo các quy định hiện hành. Bên cạnh đó việc thiết lập quan hệ tốt với Phường 26, quận Bình Thạnh cũng tạo rất nhiều thuận lợi trong việc ổn định an ninh chính trị, đảm bảo trật tự, an toàn trường học, góp phần ngăn chặn tệ nạn xâm nhập học đường.

Điểm yếu cơ bản:

Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động chưa đồng đều giữa các lớp.

Nhà trường chưa trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục địa phương.

* Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02

* Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/02

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Nhà trường tổ chức đầy đủ các hoạt động giáo dục theo chương trình và kế hoạch do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Hoạt động đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá kiến thức học sinh được chú trọng nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Trường thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục của địa phương. Việc bồi dưỡng học sinh giỏi là công tác mũi nhọn, phụ đạo học sinh yếu kém cũng được nhà trường quan tâm đúng mức. Các hoạt động ngoại khóa về văn nghệ, thể dục thể thao, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục sức khỏe giới tính ... được thường xuyên tổ chức, lồng ghép trong các chủ đề giáo dục ngoài giờ lên lớp, ngoại khóa. Qua đó, chất lượng giáo dục của nhà trường đã có sự chuyển biến về mọi mặt: Tỷ lệ lên lớp thẳng, tỷ lệ học sinh giỏi, học sinh tiên tiến hằng năm đều cao; học sinh giỏi các cấp mỗi năm đều dẫn đầu quận về số lượng. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, thi vào các trường trung học phổ thông công lập rất cao.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

- a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;*
- b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;*
- c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.*

Mức 2:

- a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;*
- b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.*

Mức 3:

Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng:

a) Nhà trường thực hiện giảng dạy đúng, đủ các môn học theo Quyết định 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H5-5.1-01], tổ chức các hoạt động giáo dục như: hoạt động ngoài giờ lên lớp [H2-2.2-02]; hoạt động giáo dục kỹ năng sống [H5-5.1-02]; hoạt động văn hóa - văn nghệ [H2-2.2-04]; hoạt động thể dục thể thao [H2-2.2-03]; hoạt động trải nghiệm [H1-1.8-09].

b) Giáo viên của nhà trường đã thực hiện các phương pháp giảng dạy: phương pháp bàn tay nặn bột [H5-5.1-03] và sử dụng các kỹ thuật: kỹ thuật khăn trải bàn; kỹ thuật sơ đồ tư duy; kỹ thuật dạy học theo dự án [H5-5.1-04]. Tuy nhiên, việc áp dụng phương pháp giảng dạy mới và các kỹ thuật dạy học còn tập trung trong các tiết thao giảng, hội giảng, chưa được áp dụng thường xuyên trong các tiết dạy.

Giáo viên hướng dẫn tự học cho học sinh qua các hình thức: Trao đổi qua Email; qua mạng xã hội Facebook, Zalo; hướng dẫn học sinh tìm kiếm thông tin, hình ảnh trên mạng Internet [H5-5.1-05]. Qua việc thực hiện các chuyên đề bộ môn [H5-5.1-06], hội thi tên lửa nước, xe thể năng [H5-5.1-07]...từ đó hình thành khả năng làm việc theo nhóm giúp học sinh rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

c) Nhà trường lập kế hoạch và tổ chức kiểm tra theo kế hoạch của Phòng Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường thực hiện kiểm tra với nhiều hình thức kiểm tra như: kiểm tra hỏi – đáp trong các môn học; kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, kiểm tra thực hành; kiểm tra đề chung (các môn học: Toán, Ngữ văn, Vật lý, Hóa học, Ngoại ngữ) [H5-5.1-08]. Các nội dung kiểm tra đều được thống nhất trong tổ, nhóm bộ môn [H1-1.4-06]. Các hình thức kiểm tra nêu trên đánh giá được năng lực học tập của các đối tượng học sinh, phù hợp với mục tiêu chú trọng vận dụng kỹ năng, áp dụng thực tiễn [H5-5.1-09].

Mức 2:

a) Nhà trường thực hiện giảng dạy đúng chương trình của Bộ Giáo dục – Đào tạo qui định [H5-5.1-10], thực hiện đúng kế hoạch thời gian năm học của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; kế hoạch giảng dạy và học tập từng môn học theo qui định [H5-5.1-11]. Ngoài những nội dung giáo dục chính khóa, từ năm học 2015-2016 trường đưa vào thêm nội dung: giảng dạy tiếng Anh với người nước ngoài, giảng dạy môn học Giáo dục kỹ năng sống phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh [H5-5.1-12]; [H5-5.1-02].

b) Hằng năm, nhà trường thực hiện tuyển chọn những học sinh có năng khiếu về các bộ môn vào đầu các năm học và tổ chức dạy bồi dưỡng tạo nguồn dự thi cấp quận và thành phố [H5-5.1-13]. Đồng thời phát hiện những học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện để có biện pháp giúp đỡ, phụ đạo [H5-5.1-14].

Mức 3:

Cuối học kỳ I, cuối năm học các tổ bộ môn thực hiện rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục qua các buổi họp tổ chuyên môn, các đợt kiểm tra nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh [H1-1.4-06].

2. Điểm mạnh:

Giáo viên hướng dẫn học sinh tự học qua các hình thức: Trao đổi qua Email; qua mạng xã hội Facebook, Zalo; hướng dẫn học sinh tìm kiếm thông tin, hình ảnh trên mạng Internet.

Qua việc thực hiện các chuyên đề bộ môn, hội thi tên lửa nước, xe thể năng. Từ đó hình thành khả năng làm việc theo nhóm giúp học sinh rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

3. Điểm yếu:

Việc áp dụng các phương pháp mới và kỹ thuật giảng dạy chưa được thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2020-2021, Phó Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ bộ môn xây dựng nội dung áp dụng các phương pháp và kỹ thuật giảng dạy vào các bài giảng cụ thể theo học kỳ.

Giáo viên tiếp tục phát huy việc hướng dẫn học sinh tự học qua các hình thức: Trao đổi qua Email; qua mạng xã hội Facebook, Zalo; hướng dẫn học sinh tìm kiếm thông tin, hình ảnh trên mạng Internet.

Hiệu phó chuyên môn tiếp tục phân công giáo viên thực hiện các chuyên đề bộ môn, hội thi tên lửa nước, xe thể năng. Từ đó hình thành khả năng làm việc theo nhóm giúp học sinh rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Hằng năm, kế hoạch giáo dục của nhà trường và kế hoạch từng môn học đều có chú trọng việc giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật (02 học sinh) trong học tập và rèn luyện học sinh có năng khiếu chuyên môn (48 học sinh), thể dục thể thao (49 học sinh) để nâng cao chất lượng giảng dạy và hiệu quả học tập của học sinh thuộc từng nhóm đối tượng [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02].

b) Hằng năm, nhà trường tổ chức thực hiện kế hoạch phụ đạo học sinh yếu, kém ở các bộ môn: ngay từ đầu năm học nhà trường thực hiện lên danh sách học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, Phó hiệu trưởng xây dựng kế hoạch phụ đạo, phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, theo dõi và tạo điều kiện giúp đỡ các em trong quá trình học tập [H5-5.2-03]; [H5-5.1-15].

Nhà trường thực hiện bồi dưỡng học sinh giỏi các bộ môn: Toán học, Ngữ văn, Ngoại ngữ, Vật lý, Hóa học, Địa lý, Lịch sử, Sinh học, Công nghệ, Tin học,... ngay từ đầu năm học. Tổ chức các câu lạc bộ: Âm nhạc, Toán học, Ngữ văn, Địa lý, Vật lý, Hóa học... nhằm khuyến khích học sinh tiến bộ trong quá trình học tập [H5-5.2-04]; [H5-5.1-14]

c) Cuối học kì, cuối năm học rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện qua các báo cáo sơ kết, tổng kết [H5-5.1-15].

Mức 2:

Nhà trường đã thực hiện tổ chức giáo dục các đối tượng học sinh có năng khiếu trong học tập và rèn luyện theo kế hoạch và đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục [H5-5.2-02]; [H5-5.2-03]. Tuy nhiên đối với học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện chưa đạt hiệu quả cao.

Mức 3:

Hằng năm, các học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật của nhà trường được các cấp chuyên môn của Quận, Thành phố và Quốc gia công nhận [H1-1.5-01].

Năm học 2015-2016: 04 huy chương cấp quận, 00 cấp thành phố.

Năm học 2016-2017: 10 huy chương cấp quận, 00 cấp thành phố.

Năm học 2017-2018: 17 huy chương cấp quận, 03 cấp thành phố.

Năm học 2018-2019: 14 huy chương cấp quận, 00 cấp thành phố.

Năm học 2019-2020: 03 huy chương cấp quận, 02 cấp thành phố.

Nhiều năm liền nhà trường nằm trong tốp dẫn đầu quận Bình Thạnh về số lượng học sinh giỏi cấp quận, cấp thành phố về văn hóa và thể dục thể thao.

2. Điểm mạnh:

Nhiều năm liền nhà trường nằm trong tốp dẫn đầu quận Bình Thạnh về số lượng học sinh giỏi cấp quận, cấp thành phố về văn hóa và thể dục thể thao.

3. Điểm yếu:

Việc giáo dục học sinh gặp khó khăn trong học tập chưa đạt hiệu quả như kế hoạch đề ra.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2020 – 2021, Phó Hiệu trưởng chuyên môn chỉ đạo giáo viên bộ môn quan tâm sâu sát hơn tới học sinh gặp khó khăn trong học tập. Các tổ bộ môn xây dựng kế hoạch giảng dạy, phụ đạo phù hợp với đối tượng học sinh gặp khó khăn trong học tập (từ tháng 10 thực hiện dạy phụ đạo vào sáng thứ 7 hằng tuần).

Hiệu trưởng chỉ đạo Phó hiệu trưởng xây dựng kế hoạch, phân công giáo viên thực hiện bồi dưỡng học sinh giỏi các môn văn hóa và thể dục thể thao.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

- a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;
- b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;
- c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Nhà trường có kế hoạch giáo dục địa phương với nội dung: lồng ghép tích hợp vào các bộ môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Âm nhạc, Mỹ thuật [H5-5.3-01]; tổ chức cho học sinh tham quan nhà truyền thống quận Bình Thạnh [H4-4.2-11], đền Hai Bà Trưng [H5-5.3-02]; tổ chức cho học sinh chăm sóc di tích lịch sử lăng Tả quân Lê Văn Duyệt [H4-4.2-10].

b) Nhà trường thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá như các phần khác trong chương trình bộ môn và sử dụng kết quả đánh giá để đánh giá xếp loại học sinh từng học kỳ và cuối năm học. Giáo viên bộ môn lồng ghép vào việc giảng dạy của từng môn học, lựa chọn bài học vận dụng thực tế với tình hình giảng dạy tại đơn vị [H5-5.3-03].

c) Hằng năm, Phó Hiệu trưởng đều chỉ đạo thực hiện bổ sung các tư liệu về giáo dục địa phương trong giáo án các môn học ở các tiết thao giảng chuyên đề [H5-5.3-04]. Tuy nhiên, trong giáo án các môn giáo viên chưa đưa nhiều tư liệu về giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nhà trường triển khai và thực hiện đầy đủ nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn qua các bộ môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Âm nhạc, Mỹ thuật [H5-5.3-01]. Bên cạnh đó thực hiện tốt các hoạt động ngoài giờ lên lớp theo chủ đề cụ thể như “Uống nước nhớ nguồn”, “Mừng Đảng, mừng xuân”, “Tiến bước lên Đoàn” [H5-5.3-05], tổ chức cho học sinh tham quan, trải nghiệm các di tích lịch sử: Đền Bến Dược - Củ Chi; Địa đạo Củ Chi; Ngã ba Giồng - Hóc Môn [H5-5.3-06].

2. Điểm mạnh:

Trường đã thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định. Tổ chức các hoạt động học tập, tham quan, chăm sóc di tích lịch sử.

3. Điểm yếu:

Tư liệu giáo dục địa phương của giáo viên chưa phong phú.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tháng 10 năm học 2020-2021, Phó Hiệu trưởng chỉ đạo cho giáo viên Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Âm nhạc, Mỹ thuật nghiên cứu, sưu tầm thêm các tư liệu về địa phương.

Năm học 2020-2021, nhà trường tổ chức các chuyên đề, hội thi tìm hiểu các di tích lịch sử của địa phương vào các tiết sinh hoạt ngoài giờ lên lớp theo từng chủ đề (tháng 3, tháng 11).

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Hằng năm nhà trường đều xây dựng kế hoạch trải nghiệm phù hợp tình hình thực tế [H1-1.8-09], kế hoạch giáo dục hướng nghiệp được lồng ghép trong chương trình học Công nghệ lớp 9 [H5-5.4-01].

b) Nhà trường căn cứ vào kế hoạch trải nghiệm cho học sinh đăng ký tham gia và phối hợp cùng với các công ty tổ chức sự kiện tổ chức các hoạt động trải nghiệm như: tham quan các di tích lịch sử (Địa đạo Củ Chi ở Củ Chi, Văn miếu Trấn Biên ở Đồng Nai); tham quan nhà máy thủy điện ở Trị An; thực hiện chuyên đề môn Sinh học, môn Toán học với nội dung “Em làm nông dân” cho học sinh khối 6, khối 7 thực hiện bài toán đo đạc thực tế (khu du lịch Lan Vương – Bến Tre,

khu du lịch Suối Mơ – Đồng Nai); tổ chức học sinh khối 7 học tiết học ngoài nhà trường tại Thảo cầm viên [H5-5.4-02]. Thực hiện giảng dạy 9 bài hướng nghiệp cho học sinh lớp 9 [H5-5.4-04], đồng thời tổ chức cho học sinh lớp 8 đăng ký tham gia các lớp hướng nghiệp – dạy nghề [H5-5.4-05]. Ngoài ra, nhà trường phối hợp với các trường Trung cấp nghề, Cao đẳng nghề trên địa bàn thành phố thực hiện tư vấn hướng nghiệp cho học sinh cuối cấp [H5-5.4-0].

c) Các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của nhà trường đều có phân công lực lượng giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo viên bộ môn, Đoàn thanh niên, nhân viên tham gia [H5-5.4-02].

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức được các hoạt động hướng nghiệp với các hình thức phong phú, phù hợp với học sinh như: tham quan khu công nghệ cao, tham gia hội thi làm lồng đèn, trưng bày mâm cỗ cắm hoa, tham gia hội thi khéo tay kỹ thuật, và đạt được kết quả thiết thực [H1-1.5-01]; [H5-5.4-04].

b) Công tác rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp chưa thực hiện.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có kế hoạch và tổ chức thực hiện hoạt động trải nghiệm cho học sinh, giáo dục hướng nghiệp, các hoạt động trải nghiệm phù hợp với tình hình nhà trường.

3. Điểm yếu:

Chưa tổ chức được công tác rà soát đánh giá hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong năm học 2020 – 2021 và các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục xây dựng kế hoạch, tổ chức các hoạt động trải nghiệm thông qua tiết học ngoài nhà trường; phân công giáo viên có năng lực đồng thời huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Nhà trường tiếp tục vận động từ cha mẹ học sinh và các mạnh thường quân hỗ trợ phần kinh phí, tạo điều kiện cho tất cả học sinh đều được tham gia hoạt động giáo dục trải nghiệm.

Sơ kết, tổng kết năm học 2020 – 2021, Hiệu trưởng tổ chức họp rà soát, đánh giá hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp để phương hướng hoạt động hiệu quả hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Nhà trường đã thực hiện xây dựng kế hoạch định hướng giáo dục kỹ năng sống cho học sinh phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương [H1-1.8-01].

b) Nhà trường tổ chức nhiều chuyên đề về giáo dục kỹ năng sống dưới sân cho học sinh như: giáo dục về Pháp luật [H5-5.5-01]; giáo dục an toàn giao thông [H5-5.5-02]; giáo dục về phòng chống dịch bệnh [H5-5.5-03]; giáo dục giới tính [H5-5.5-04]; giáo dục về phòng chống HIV/AIDS [H5-5.5-05]; giáo dục về tác hại nghiện game, mạng xã hội [H5-5.5-06] ... Từ năm học 2017-2018, nhà trường thực hiện hợp đồng với công ty Giáo dục kỹ năng sống RỒNG VIỆT thực hiện giảng dạy kỹ năng sống cho học sinh [H5-5.1-02]. Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục được thể hiện thông qua đánh giá xếp loại hạnh kiểm của từng năm học [H2-2.4-02].

c) Lối sống của học sinh trong nhà trường được hình thành, thể hiện qua việc chấp hành tốt nội qui nhà trường, lễ phép với thầy cô, được ghi nhận vào kết quả tổng kết điểm thi đua hàng tuần giữa các lớp [H2-2.4-03], ý thức chấp hành luật giao thông của học sinh được nâng lên, hành vi ứng xử của học sinh với nhau có văn hóa phù hợp với truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam [H5-5.5-02].

Mức 2:

a) Qua các chương trình, nội dung giáo dục kỹ năng sống, học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện sau mỗi bài học hoặc chương trình mà chính bản thân các em được trải nghiệm. Nhà trường xây dựng cho học sinh thói quen sống hợp tác, tôn trọng và bảo vệ môi trường thông qua học tập, lao động tại trường và ở gia đình [H1-1.5-02]. Trong nhà trường có xây dựng các nội qui học sinh, qui định nhà trường giúp học sinh có ứng xử văn minh [H1-1.5-02]. Thông qua các chuyên đề giáo dục kỹ năng sống giúp các em có kỹ năng nhận biết và phòng ngừa bạo lực, các tệ nạn xã hội, các tai nạn thương tích [H1-1.8-12].

b) Thông qua các bài học giáo dục kỹ năng sống từng bước hình thành cho các em học sinh kiến thức có khả năng áp dụng vào thực tiễn cuộc sống như: với kiến thức phòng chống dịch bệnh giúp nhà trường không để xảy ra bùng phát dịch bệnh trong mùa cao điểm [H5-5.5-07]; ý thức chấp hành luật giao thông ngày càng tốt hơn [H5-5.5-02]; học sinh tự hiểu rõ bản thân, từ đó có ý thức tự chăm sóc và bảo vệ bản thân tốt hơn [H5-5.5-04]. Nhà trường đã thực hiện kế hoạch định hướng phát triển

kỹ năng sống cho học sinh. Hành vi ứng xử của học sinh có chuyển biến tích cực phù hợp truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 3:

Trong quá trình giảng dạy, có những nội dung bài học liên quan với thực tế cuộc sống, thầy cô đã gợi ý cho học sinh nghiên cứu thực hiện chế tạo các mô hình áp dụng trong thực tế: bài học áp suất chất lỏng, các em chế tạo mô hình cánh tay thủy lực, tên lửa nước. Bước đầu cho học sinh làm quen với nghiên cứu khoa học [H5-5.1-07]. Tuy nhiên, thầy cô chưa hướng dẫn cho học sinh nghiên cứu khoa học trên nhiều lĩnh vực khác như: xã hội, môi trường, công nghệ.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã thực hiện kế hoạch định hướng phát triển kỹ năng sống cho học sinh. Hành vi ứng xử của học sinh có chuyển biến tích cực phù hợp truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

3. Điểm yếu:

Học sinh chưa được hướng dẫn nghiên cứu khoa học trên nhiều lĩnh vực khác nhau như: xã hội, môi trường, công nghệ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2020-2021, Hiệu trưởng chỉ đạo Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác chuyên môn, tổ trưởng chuyên môn của các bộ môn Toán học, Địa lý, Công nghệ, Vật lý, Hóa học xây dựng kế hoạch tổ chức các câu lạc bộ: “Robot”, “Em yêu khoa học” tạo sân chơi cho học sinh, huy động các em học sinh có sở thích tìm tòi, nghiên cứu.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;

- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh hằng năm đều đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường học là tỉ lệ học sinh có hạnh kiểm khá - tốt trên 90%. Hằng năm nhà trường có tỉ lệ học sinh giỏi đạt trên 70%, học sinh học lực khá của trường đạt trên 30% đảm bảo quy định [H1-1.8-01]; [H2-2.4-02]; [H2-2.4-04].

Năm học	2015-2016		2016-2017		2017-2018		2018-2019		2019-2020	
	Chỉ tiêu	Thực tế	Chỉ tiêu	Thực tế	Chỉ tiêu	Thực tế	Chỉ tiêu	Thực tế	Chỉ tiêu	Thực tế
Tỉ lệ học sinh xếp loại	42,0 %	48,41 %	42,0 %	50,46 %	42,0 %	51,65 %	45,0 %	53,36 %	46,0 %	63,3%

Năm học	2015-2016		2016-2017		2017-2018		2018-2019		2019-2020	
	Chỉ tiêu	Thực tế	Chỉ tiêu	Thực tế	Chỉ tiêu	Thực tế	Chỉ tiêu	Thực tế	Chỉ tiêu	Thực tế
giỏi										
Tỉ lệ học sinh xếp loại khá	40,0 %	39,19 %	40,0 %	38,06 %	40,0 %	36,17 %	40,0 %	33,09 %	39,0 %	27,24 %
Tỉ lệ học sinh xếp loại trung bình	16,5 %	12,1 %	16,5 %	10,91 %	16,5 %	11,61 %	14,0 %	10,29 %	14,0 %	9,46%
Tỉ lệ học sinh xếp loại yếu kém	1,5%	0,29 %	1,5%	0,58 %	1,5%	0,56 %	1,0%	0,27 %	1,0%	0%
Hạnh kiểm (khá - tốt)		98,56 %		97,93 %		98,45 %		99,46 %		99,75 %
Hạnh kiểm (trung bình)		1,44 %		2,07 %		1,55 %		0,54 %		0,25%

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp hằng năm đều đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường [H5-5.6-01]; [H5-5.6-02].

Năm học	2015-2016		2016-2017		2017-2018		2018-2019		2019-2020	
	Chỉ tiêu	Thực tế	Chỉ tiêu	Thực tế	Chỉ tiêu	Thực tế	Chỉ tiêu	Thực tế	Chỉ tiêu	Thực tế
Tỷ lệ lên lớp	98,5 %	99,71 %	98,5 %	99,43 %	98,5 %	99,44 %	98,5 %	99,73 %	98,5 %	100 %
Tỷ lệ tốt nghiệp	100 %	100 %	100 %	100 %	100 %	100 %	100 %	100 %	100%	100 %

c) Nhà trường đã thực hiện đạt yêu cầu về định hướng phân luồng cho học sinh cuối cấp vào lớp 10 công lập trên 75%, số lượng học sinh còn lại phân luồng vào lớp 10 dân lập, tư thục và các trường Trung cấp nghề [H5-5.6-02].

Năm học	2015-2016		2016-2017		2017-2018		2018-2019		2019-2020	
	Chỉ tiêu	Thực tế	Chỉ tiêu	Thực tế	Chỉ tiêu	Thực tế	Chỉ tiêu	Thực tế	Chỉ tiêu	Thực tế
Tỷ lệ vào lớp 10 công lập	90,0 %	100 %	90,0 %	97,2 %	90,0 %	93,07 %	90,0 %	92,24 %	90,0 %	93,8 2%

Mức 2:

a) Kết quả tỷ lệ học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá [H1-1.5-01]

Năm học	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Hạnh kiểm (khá - tốt)	98,56%	97,93%	98,45%	99,46%	99,75%
Học lực	87,6%	88,52%	87,82%	89,45%	90,54%

(khá - giỏi)					
--------------	--	--	--	--	--

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp hằng năm [H1-1.5-01]:

Năm học	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Tỷ lệ lên lớp	98,5%	99,43%	99,44%	99,73	100%
Tỷ lệ tốt nghiệp	100%	100%	100%	100%	100%

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh 05 năm [H1-1.5-01]:

Học lực:

Năm học	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Tỷ lệ học sinh giỏi	48,41%	50,46%	51,65%	56,36%	63,3%
Tỷ lệ học sinh khá	39,19%	38,06%	36,17%	33,09%	27,24%
Tỷ lệ học sinh yếu, kém	0,29%	0,58%	0,56%	0,27%	0%

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường hằng năm đều đạt trên 45%.
- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường hằng năm đều đạt trên 30%.
- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường 0,1% đến 0,6%

Hạnh kiểm:

Năm học	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Hạnh kiểm (khá - tốt)	98,56%	97,93%	98,45%	99,46%	99,75%

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban 5 năm [H1-1.5-01]:

Năm học	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
---------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------

Tỷ lệ bỏ học	0%	0%	0%	0%	0%
Tỷ lệ lưu ban	0,29%	0,57%	0,56%	0,27%	0%

Tỷ lệ học sinh bỏ học 0% và lưu ban dưới 2%

2. Điểm mạnh:

Kết quả giáo dục của nhà trường đều đạt các chỉ tiêu đề ra.

Nhà trường đã thực hiện đạt yêu cầu kế hoạch phân luồng cho học sinh lớp 9 sau tốt nghiệp.

3. Điểm yếu:

Số lượng học sinh yếu kém vẫn còn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2020 – 2021, cán bộ quản lý và giáo viên chủ nhiệm tăng cường công tác phối hợp với cha mẹ học sinh có hoàn cảnh đặc biệt, tìm hiểu hoàn cảnh để động viên giúp đỡ học sinh.

Hiệu trưởng thực hiện việc nâng cao công tác phụ đạo học sinh yếu kém: thông qua nắm bắt tình hình học tập của từng lớp; tổ chức lớp phụ đạo; chỉ đạo giáo viên bộ môn dạy theo hình thức cá nhân.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh nổi bật:

Hoạt động dạy và học của nhà trường được thực hiện có nền nếp, đảm bảo nội dung chương trình và kế hoạch thời gian năm học theo quy định. Việc đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá được thực hiện nghiêm túc theo chỉ đạo của ngành. Các hoạt động giáo dục kỹ năng sống và ý thức vệ sinh môi trường được thực hiện thường xuyên và có hiệu quả. Kết quả xếp loại hạnh kiểm và học lực hằng năm của học sinh đáp ứng mục tiêu giáo dục.

Điểm yếu cơ bản:

Tài liệu giáo dục địa phương chưa phong phú. Các hoạt động trải nghiệm của nhà trường chưa phong phú.

* Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06

* Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Báo cáo tự đánh giá của Trường Trung học cơ sở Đồng Đa được hoàn thành phản ánh kết quả toàn diện các mặt hoạt động của nhà trường, giúp nhà trường đề ra chiến lược phát triển, xác định tầm nhìn, đánh giá công tác quản lý và tổ chức hoạt động của nhà trường. Quá trình tiến hành việc tự đánh giá, giúp cho việc xây dựng khối đoàn kết nội bộ trong tập thể sư phạm được thuận lợi hơn. Trong việc kiểm định từng tiêu chuẩn, xác minh từng tiêu chí, thống kê các chỉ số, đã giúp cho các bộ phận, các thành viên trong nhà trường tạo ra sự liên thông gắn bó và thông tin hai chiều cho nhau trở nên chặt chẽ hơn. Qua đó đánh giá chất lượng đội ngũ giáo viên, thực hiện các chương trình hoạt động giáo dục và công tác quản lý tài chính, cơ sở vật chất, sự phối hợp giữa nhà trường với cha mẹ học sinh. Kết quả giáo dục học sinh là tiêu chuẩn phản ánh chính xác, khách quan nhất về chất lượng hai mặt giáo dục của nhà trường. Trong những năm qua, tỉ lệ học sinh giỏi, học sinh tiên tiến của trường tăng đều, tỉ lệ học sinh yếu kém giảm, đặc biệt là số lượng học sinh giỏi cấp quận, cấp thành phố luôn duy trì ở mức ổn định và phát triển.

Đối chiếu với kết quả của các hoạt động giáo dục mà nhà trường đã đạt được trong những năm qua với Bộ tiêu chuẩn đánh giá trường trung học cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, trong quá trình tự đánh giá, nhà trường đã đạt được những kết quả cụ thể như sau:

- | | |
|--|----------------|
| – Số lượng các tiêu chí đạt Mức 1: 28/28 | Tỷ lệ: 100%. |
| – Số lượng các tiêu chí đạt không đạt Mức 1: 00/28 | Tỷ lệ: 00%. |
| – Số lượng các tiêu chí đạt Mức 2: 23/28 | Tỷ lệ: 82,14%. |
| – Số lượng các tiêu chí đạt không đạt Mức 2: 05/28 | Tỷ lệ: 17,85%. |
| – Số lượng các tiêu chí đạt Mức 3: 05/20 | Tỷ lệ: 25%. |
| – Số lượng các tiêu chí đạt không đạt Mức 3: 15/20 | Tỷ lệ: 75%. |

Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, Trường Trung học cơ sở Đồng Đa tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục đạt Mức 1.

Trường Trung học cơ sở Đồng Đa đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1.

Bình Thạnh, ngày 15 tháng 9 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

PHẦN IV. PHỤ LỤC
BẢNG DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG

Tiêu chí	STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát...	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2011-2015 và giai đoạn 2016-2020	2011, 2016	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.1-02]	Website trường	2018	Hiệu trưởng	https://thcsdongda.hcm.edu.vn
	3	[H1-1.1-03]	Hồ sơ đổi mới kiểm tra đánh giá học sinh	2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Phó Hiệu trưởng chuyên môn	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
	4	[H1-1.1-04]	Hồ sơ thao giảng	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Tổ trưởng chuyên môn, Phó Hiệu trưởng chuyên môn	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
	5	[H1-1.1-05]	Quyết định phân công quản lý Công nghệ thông tin nhà trường	2019-2020	Hiệu trưởng	Văn thư

	6	[H1-1.1-06]	Sổ hợp nghị quyết của hội đồng trường	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Chủ tịch Hội đồng trường	Chủ tịch Hội đồng trường
Tiêu chí 1.2	1	[H1-1.2-01]	Quyết định thành lập hội đồng trường	2012-2017 2018-2023	Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.2-02]	Quyết định thành lập hội đồng thi đua	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	3	[H1-1.2-03]	Quyết định thành lập hội đồng khoa học	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh	Hiệu trưởng
	4	[H1-1.2-04]	Quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh	Hiệu trưởng
	5	[H1-1.2-05]	Quyết định thành lập hội đồng xét tốt nghiệp trung học cơ sở	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019	Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh	Hiệu trưởng

				2019-2020		
6	[H1-1.2-06]	Quy chế làm việc hội đồng trường	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng	
7	[H1-1.2-07]	Biên bản họp hội đồng thi đua khen thưởng	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng	Văn thư	
8	[H1-1.2-08]	Sổ họp liên tịch nhà trường	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng hành chánh	
9	[H1-1.2-9]	Biên bản xét duyệt sáng kiến nhà trường	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng	Văn thư –Học vụ	
10	[H1-1.2-10]	Kế hoạch tuyển sinh	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh	Văn thư – Học vụ	
11	[H1-1.2-11]	Hồ sơ xét tốt nghiệp trung học cơ sở (Kế hoạch xét	2015-2016 2016-2017	Phòng Giáo dục và Đào	Học vụ	

			tốt nghiệp Trung học cơ sở, tờ trình thành lập hội đồng xét tốt nghiệp, tờ trình đề nghị công nhận tốt nghiệp Trung học cơ sở, Quyết định công nhận Tốt nghiệp Trung học cơ sở, Danh sách học sinh được công nhận tốt nghiệp Trung học cơ sở)	2017-2018 2018-2019 2019-2020	tạo quận Bình Thạnh	
	12	[H1-1.2-12]	Biên bản rà soát các hoạt động hội đồng	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	13	[H1-1.2-13]	Giấy chứng nhận tập thể lao động xuất sắc	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.3	1	[H1-1.3-01]	Hồ sơ đại hội công đoàn	2016-2018 2018-2022	Chủ tịch Công đoàn	Công đoàn
	2	[H1-1.3-02]	Hồ sơ đại hội chi đoàn	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Bí thư Chi đoàn	Chi đoàn

	3	[H1-1.3-03]	Hồ sơ đại hội liên đội	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Tổng phụ trách Đội	Tổng phụ trách Đội
	4	[H1-1.3-04]	Hồ sơ hội chữ thập đỏ nhà trường	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Nhân viên Y tế	Phòng Y tế
	5	[H1-1.3-05]	Hồ sơ hội khuyến học	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hội khuyến học Trường Trung học cơ sở Đồng Đa	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
	6	[H1-1.3-06]	Sổ họp công đoàn	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Chủ tịch Công đoàn	Công đoàn
	7	[H1-1.3-07]	Sổ họp chi đoàn	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Bí thư Chi đoàn	Chi đoàn
	8	[H1-1.3-08]	Sổ họp liên đội	2015-2016 2016-2017 2017-2018	Tổng phụ trách Đội	Tổng phụ trách Đội

				2018-2019 2019-2020		
	9	[H1-1.3-09]	Hồ sơ đại hội chi bộ	2015-2020	Bí thư Chi bộ	Bí thư Chi bộ
	10	[H1-1.3-10]	Bảng thông báo kết quả đánh giá chất lượng chi bộ hằng năm	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Đảng ủy phường 25 quận Bình Thạnh	Bí thư Chi bộ
	11	[H1-1.3-11]	Báo cáo tổng kết hoạt động công đoàn (nữ công)	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Chủ tịch Công đoàn	Công đoàn
	12	[H1-1.3-12]	Báo cáo tổng kết hoạt động chi đoàn	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Bí thư Chi đoàn	Chi đoàn
	13	[H1-1.3-13]	Báo cáo tổng kết hoạt động đội Thiếu niên Tiền phong	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Tổng phụ trách Đội	Tổng phụ trách Đội

	14	[H1-1.3-14]	Hình ảnh tập huấn sơ cấp cứu	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Y tế	Y tế
	15	[H1-1.3-15]	Danh sách giáo viên hiến máu nhân đạo	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Chủ tịch Công đoàn	Công đoàn
	16	[H1-1.3-16]	Biên nhận đóng góp công tác xã hội nhân đạo	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hội chữ thập đỏ Quận	Y tế
	17	[H1-1.3-17]	Danh sách trao tặng học bổng	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng	Kế toán
Tiêu chí 1.4	1	[H1-1.4-01]	Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng	2015-2020	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Phó Hiệu trưởng hành chánh
	2	[H1-1.4-02]	Quyết định bổ nhiệm các Phó Hiệu trưởng	2017-2018	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Phó Hiệu trưởng hành chánh

	3	[H1-1.4-03]	Danh sách tổ chuyên môn	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
	4	[H1-1.4-04]	Danh sách tổ văn phòng	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng hành chánh
	5	[H1-1.4-05]	Quyết định phân công tổ trưởng, tổ phó chuyên môn.	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng	Văn thư
	6	[H1-1.4-06]	Sổ họp các tổ chuyên môn	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Phó hiệu trưởng, Tổ trưởng chuyên môn	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
	7	[H1-1.4-07]	Sổ họp tổ văn phòng	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Phó Hiệu trưởng hành chánh	Văn thư
	8	[H1-1.4-08]	Biên bản rà soát đánh giá hoạt động các tổ chuyên môn	2015-2016 2016-2017 2017-2018	Tổ trưởng chuyên môn, Phó Hiệu	Phó Hiệu trưởng chuyên môn

				2018-2019 2019-2020	trưởng chuyên môn	
9	[H1-1.4-09]	Hình ảnh thao giảng chuyên đề	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Tổ trưởng chuyên môn, Phó Hiệu trưởng chuyên môn	Phó Hiệu trưởng chuyên môn	
10	[H1-1.4-10]	Biên bản rà soát đánh giá hoạt động tổ văn phòng	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Phó Hiệu trưởng hành chánh	Phó Hiệu trưởng hành chánh	
11	[H1-1.4-11]	Phiếu dự giờ của giáo viên	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Tổ trưởng – nhóm trưởng chuyên môn, Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	
12	[H1-1.4-12]	Sổ điểm các năm	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng	Học vụ	
13	[H1-1.4-13]	Học bạ các khối	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019	Giáo viên, nhân viên Học vụ	Học vụ	

				2019-2020		
	14	[H1-1.4-14]	Sổ theo dõi mượn đồ dùng dạy học	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Nhân viên thiết bị	Phòng thiết bị
	15	[H1-1.4-15]	Sổ theo dõi các tiết thực hành thí nghiệm	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Nhân viên thiết bị	Phòng thiết bị
Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	Báo cáo tổng kết hằng năm	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng	Văn thư
	2	[H1-1.5-02]	Hồ sơ chủ nhiệm lớp	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Giáo viên	Giáo viên
Tiêu chí 1.6	1	[H1-1.6-01]	Hồ sơ cán bộ, giáo viên, công nhân viên	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Phó Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng

	2	[H1-1.6-02]	Sổ đăng bộ	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Nhân viên Học vụ	Văn phòng
	3	[H1-1.6-03]	Sổ cấp phát bằng	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Nhân viên Học vụ	Nhân viên Học vụ
	4	[H1-1.6-04]	Hồ sơ quản lí tài chính	2015 2016 2017 2018 2019	Hiệu trưởng	Kế toán
	5	[H1-1.6-05]	Hồ sơ quản lí tài sản	2015 2016 2017 2018 2019	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng	Kế toán
	6	[H1-1.6-06]	Hồ sơ lập dự toán tài chính	2015 2016 2017 2018 2019	Hiệu trưởng	Kế toán
	7	[H1-1.6-07]	Hồ sơ thu chi tài chính	2015 2016 2017	Hiệu trưởng, kế toán	Kế toán

				2018 2019		
	8	[H1-1.6-08]	Hồ sơ quyết toán tài chính	2015 2016 2017 2018 2019	Hiệu trưởng	Kế toán
	9	[H1-1.6-09]	Bảng thống kê báo cáo tài chính hằng năm	2015 2016 2017 2018 2019	Kế toán	Kế toán
	10	[H1-1.6-10]	Bảng thống kê báo cáo tài sản hằng năm	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Phó hiệu trưởng, kế toán	Kế toán
	11	[H1-1.6-11]	Quy chế chi tiêu nội bộ hằng năm (hồ sơ hội nghị cán bộ công chức)	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn	Kế toán
	12	[H1-1.6-12]	Hồ sơ mua sắm đồ dùng dạy học	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Phó hiệu trưởng, nhân viên thiết bị	Thiết bị

	13	[H1-1.6-13]	Hệ thống quản lý cán bộ công chức	2018	Sở Nội vụ	Máy tính văn thư
	14	[H1-1.6-14]	Chương trình quản lý nhân sự trực tuyến EPMIS	2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Máy tính văn thư
	15	[H1-1.6-15]	Phần mềm Quản Ích	2018	Sở Giáo dục và Đào tạo	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
	16	[H1-1.6-16]	Phần mềm quản lý tài chính IMAX 10.0	2018	Sở Tài chính	Kế toán
	17	[H1-1.6-17]	Phần mềm quản lý tài sản công	2018	Sở Tài chính	Kế toán
	18	[H1-1.6-18]	Biên bản kiểm tra tài chính tài sản hằng năm	2016 2017 1818 2019	Phòng Tài chính kế hoạch quận Bình Thạnh	Kế toán
Tiêu chí 1.7	1	[H1-1.7-01]	Kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

	2	[H1-1.7-02]	Bảng thống kê chất lượng đội ngũ hằng năm	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Phó hiệu trưởng hành chánh	Văn thư
	3	[H1-1.7-03]	Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng chuyên môn	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
	4	[H1-1.7-04]	Bảng phân công nhiệm vụ hằng năm	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	5	[H1-1.7-05]	Bảng kết quả đánh giá công chức hằng năm	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh, Hiệu trưởng	Văn thư
	6	[H1-1.7-06]	Biên bản họp hội đồng sư phạm	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng, Thư ký Hội đồng sư phạm	Thư ký Hội đồng sư phạm
	7	[H1-1.7-07]	Danh sách giáo viên được cử đi học hằng năm	2015-2016 2016-2017 2017-2018	Phó Hiệu trưởng chuyên môn,	Văn thư

				2018-2019 2019-2020	văn thư	
	8	[H1-1.7-08]	Biên bản họp xét duyệt các khối từng học kỳ của từng năm	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng, giáo viên chủ nhiệm	Phó hiệu trưởng chuyên môn
	9	[H1-1.7-09]	Biên bản họp hội đồng kỷ luật học sinh hằng năm	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	10	[H1-1.7-10]	Họp đồng khám sức khỏe cán bộ, giáo viên, công nhân viên nhà trường	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Nhân viên y tế	Y tế
	11	[H1-1.7-11]	Danh sách giáo viên được hỗ trợ kinh phí học tập nâng cao trình độ	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng	Kế toán
Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-01]	Kế hoạch năm học của nhà trường	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng	Văn thư

	2	[H1-1.8-02]	Bảng thống kê cơ sở vật chất hằng năm	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Phó hiệu trưởng hành chánh	Phó Hiệu trưởng hành chánh
	3	[H1-1.8-03]	Bảng thống kê đội ngũ hằng năm	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Phó Hiệu trưởng, văn thư	Văn thư
	4	[H1-1.8-04]	Bảng kế hoạch dạy 2 buổi / ngày	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	5	[H1-1.8-05]	Thời khóa biểu	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Phó hiệu trưởng chuyên môn	Phó hiệu trưởng chuyên môn
	6	[H1-1.8-06]	Bảng kế hoạch giảng dạy Tiếng Anh với người nước ngoài	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	7	[H1-1.8-07]	Kế hoạch dạy thể dục tự chọn	2015-2016 2016-2017 2017-2018	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

				2018-2019 2019-2020		
	8	[H1-1.8-08]	Kế hoạch du khảo hằng năm	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	9	[H1-1.8-09]	Báo cáo sơ kết học kỳ 1 hằng năm	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	10	[H1-1.8-10]	Biên bản kiểm tra học kỳ I	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Phó hiệu trưởng chuyên môn	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
	11	[H1-1.8-11]	Biên bản kiểm tra đầu năm	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh	Văn thư
Tiêu chí 1.9	1	[H1-1.9-01]	Quy chế dân chủ cơ sở của nhà trường	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng	Công đoàn

	2	[H1-1.9-02]	Biên bản họp tổ công đoàn hằng năm	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Tổ trưởng Công đoàn, Chủ tịch Công đoàn	Công đoàn
	3	[H1-1.9-03]	Hồ sơ tiếp công dân	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng hành chánh
	4	[H1-1.9-04]	Báo cáo Ban Thanh tra Nhân dân (hồ sơ hội nghị công chức)	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Ban Thanh tra Nhân dân	Trưởng ban Thanh tra Nhân dân
Tiêu chí 1.10	1	[H1-1.10-01]	Phương án đảm bảo an ninh trật tự	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng hành chánh	Phó Hiệu trưởng hành chánh
	2	[H1-1.10-02]	Phương án phòng chống tai nạn thương tích	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng, y tế	Phó Hiệu trưởng hành chánh
	3	[H1-1.10-03]	Phương án phòng chống cháy nổ	2015-2016 2016-2017 2017-2018	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng hành chánh

				2018-2019 2019-2020		
	4	[H1-1.10-04]	Phương án phòng chống dịch bệnh	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng, Y tế	Y tế
	5	[H1-1.10-05]	Phương án phòng chống ngộ độc thực phẩm	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng, Y tế	Y tế
	6	[H1-1.10-06]	Phương án phòng chống tệ nạn xã hội	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng	Văn thư
	7	[H1-1.10-07]	Hình ảnh hộp thư góp ý	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng	Văn thư
	8	[H1-1.10-08]	Hình ảnh phòng tiếp dân	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Phó hiệu trưởng hành chánh	Phó Hiệu trưởng hành chánh

	9	[H1-1.10-09]	Biên bản kiểm tra trường học an toàn	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng hành chánh	Phó Hiệu trưởng hành chánh
	10	[H1-1.10-10]	Phiếu chi hỗ trợ công tác giữ an ninh trật tự trước cổng trường	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng, kế toán	Kế toán
	11	[H1-1.10-11]	Sổ kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Phó hiệu trưởng hành chánh, y tế	Y tế
	12	[H1-1.10-12]	Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm bếp ăn	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Y tế
	13	[H1-1.10-13]	Hình ảnh các bảng quy định an toàn sử dụng điện, cháy nổ	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Phó hiệu trưởng hành chánh	Phó Hiệu trưởng hành chánh
	14	[H1-1.10-14]	Hình ảnh bản tin y tế	2015-2016 2016-2017 2017-2018	Nhân viên Y tế	Y tế

				2018-2019 2019-2020		
	15	[H1-1.10-15]	Sổ tuyên truyền của y tế	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Nhân viên Y tế	Y tế
	16	[H1-1.10-16]	Hình ảnh báo cáo các chuyên đề về phòng chống tệ nạn xã hội	2016-2017 2017-2018 2018-2019	Phó hiệu trưởng hành chánh	Phó Hiệu trưởng hành chánh
Tiêu chí 2.1	1	[H2-2.1-01]	Sơ yếu lý lịch cán bộ quản lý	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Nhân viên văn thư	Văn thư
	2	[H2-2.1-02]	Bảng cấp chuyên môn cán bộ quản lý	2017-2018	Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng hành chánh
	3	[H2-2.1-03]	Chứng chỉ quản lý trường trung học cơ sở	2017-2018	Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng hành chánh
	4	[H2-2.1-04]	Bảng kết quả đánh giá chuẩn Hiệu trưởng hằng năm	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Hiệu trưởng

	5	[H2-2.1-05]	Bảng kết quả đánh giá chuẩn Phó Hiệu trưởng hằng năm	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	6	[H2-2.1-06]	Bảng kết quả học tập chính trị của giáo viên hằng năm	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị quận Bình Thạnh	Văn thư
	7	[H2-2.1-07]	Sổ ghi chép tập huấn đổi mới phương pháp giảng dạy	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Giáo viên	Giáo viên
	8	[H2-2.1-08]	Sổ ghi chép tập huấn y tế học đường	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Y tế	Y tế
	9	[H2-2.1-09]	Sổ ghi chép tập huấn về hồ sơ bảo hiểm y tế học sinh và giáo viên	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Y tế	Y tế
	13	[H2-2.1-10]	Giấy chứng chỉ trung cấp chính trị của Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng	2017-2018	Trường Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh	Phó Hiệu trưởng chuyên môn

					Minh	
Tiêu chí 2.2	1	[H2-2.2-01]	Bảng phân công giảng dạy của giáo viên	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
	2	[H2-2.2-02]	Giáo án ngoài giờ lên lớp	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng, Giáo viên chủ nhiệm	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
	3	[H2-2.2-03]	Kế hoạch hoạt động của nhóm thể dục	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Nhóm trưởng, tổ trưởng chuyên môn	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
	4	[H2-2.2-04]	Kế hoạch hoạt động của nhóm nhạc	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Nhóm trưởng, tổ trưởng chuyên môn	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
	5	[H2-2.2-05]	Quyết định phân công giáo viên phổ biến pháp luật	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng	Văn thư

	6	[H2-2.2-06]	Kế hoạch phổ biến pháp luật	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Giáo viên Giáo dục công dân	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
	7	[H2-2.2-07]	Bảng thống kê trình độ giáo viên	2018-2019 2019-2020	Phó Hiệu trưởng hành chánh	Văn thư
	8	[H2-2.2-08]	Biên bản đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Tổ trưởng chuyên môn, Hiệu trưởng	Văn thư
	9	[H2-2.2-09]	Bảng tổng hợp đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên hằng năm	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Phó Hiệu trưởng hành chánh	Văn thư
	10	[H2-2.2-10]	Danh sách phân công giáo viên tham gia ngoại khóa	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng hành chánh
	11	[H2-2.2-11]	Hồ sơ hợp phụ huynh học sinh chọn nguyện vọng lớp 9	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

	12	[H2-2.2-12]	Đề tài nghiên cứu khoa học	2015-2016 2016-2017	Giáo viên bộ môn Toán, Lịch sử	Phó hiệu trưởng chuyên môn
Tiêu chí 2.3	1	[H2-2.3-01]	Bảng phân công nhiệm vụ tổ văn phòng	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng	Văn thư
	2	[H2-2.3-02]	Hồ sơ đánh giá cán bộ công chức viên chức	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng, văn thư	Văn thư
	3	[H2-2.3-03]	Hồ sơ cá nhân của nhân viên	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Phó Hiệu trưởng hành chánh	Phó Hiệu trưởng hành chánh
	4	[H2-2.3-04]	Lịch công tác có nội dung bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Phó Hiệu trưởng chuyên môn	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
Tiêu chí 2.4	1	[H2-2.4-01]	Bảng thống kê độ tuổi tuyển sinh lớp 6 hằng năm	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Nhân viên học vụ	Văn phòng

	2	[H2-2.4-02]	Bảng thống kê hạnh kiểm học sinh hằng năm (cuối năm)	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Phó hiệu trưởng chuyên môn	Học vụ
	3	[H2-2.4-03]	Bảng chấm điểm thi đua hàng tuần của Đội	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Tổng phụ trách	Tổng phụ trách
	4	[H2-2.4-04]	Thống kê học lực học sinh hằng năm (cuối năm)	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Phó Hiệu trưởng chuyên môn	Học vụ
	5	[H2-2.4-05]	Báo cáo hoạt động phong trào đội	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Tổng phụ trách	Tổng phụ trách
	6	[H2-2.4-06]	Hồ sơ đại hội chi đội	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Tổng phụ trách	Tổng phụ trách
	7	[H2-2.4-07]	Hồ sơ chấm Thi đua các lớp	2015-2016 2016-2017 2017-2018	Tổng phụ trách	Tổng phụ trách

				2018-2019 2019-2020		
	8	[H2-2.4-08]	Biên bản kiểm tra môi trường sư phạm đầu năm	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh	Văn thư
	9	[H2-2.4-09]	Hồ sơ xóa đói giảm nghèo	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng, kế toán	Kế toán
	10	[H2-2.4-10]	Hồ sơ gia đình chính sách, con thương binh	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng, kế toán	Kế toán
	11	[H2-2.4-11]	Hồ sơ chính sách cho học sinh dân tộc Chăm – Khmer	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng, kế toán	Kế toán
	12	[H2-2.4-12]	Bảng thống kê các thành tích học tập, hoạt động văn - thể - mỹ	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Nhóm trưởng chuyên môn	Tổ Thể dục
Tiêu chí	1	[H3-3.1-01]	Hình ảnh khuôn viên sân	2019-2020	Phó Hiệu	Phó Hiệu trưởng hành

3.1			trường		trưởng hành chánh	chánh
	2	[H3-3.1-02]	Hình biểu tên trường, cổng trường	2020-2021	Phó Hiệu trưởng hành chánh	Phó Hiệu trưởng hành chánh
	3	[H3-3.1-03]	Hình ảnh bờ rào trường	2020-2021	Phó Hiệu trưởng hành chánh	Phó Hiệu trưởng hành chánh
	4	[H3-3.1-04]	Hình ảnh hoạt động giáo dục – sinh hoạt dưới cờ	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng, tổng phụ trách	Tổng phụ trách Đội
	5	[H3-3.1-05]	Hình ảnh sân chơi, bãi tập	2019-2020	Phó Hiệu trưởng hành chánh	Phó Hiệu trưởng hành chánh
	6	[H3-3.1-06]	Hình ảnh các chuyên đề kỹ năng sống	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Tổng phụ trách	Tổng phụ trách Đội
	7	[H3-3.1-07]	Hình ảnh các lễ hội được tổ chức dưới sân	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Bí thư chi đoàn, tổng phụ trách	Tổng phụ trách Đội
	8	[H3-3.1-08]	Bảng vẽ mặt bằng tổng thể nhà trường	2018	Phó Hiệu trưởng hành	Phó Hiệu trưởng hành chánh

					chánh	
Tiêu chí 3.2	1	[H3-3.2-01]	Hình ảnh lớp học	2019-2020	Phó Hiệu trưởng hành chánh	Phó Hiệu trưởng hành chánh
	2	[H3-3.2-02]	Sơ đồ thiết kế nhà trường	2019-2020	Phó Hiệu trưởng hành chánh	Phó Hiệu trưởng hành chánh
	3	[H3-3.2-03]	Hình ảnh phòng bộ môn: Vi tính, Hội trường – Âm nhạc, phòng thực hành thí nghiệm Vật lý, Hóa, Sinh	2019-2020	Phó Hiệu trưởng hành chánh	Phó Hiệu trưởng hành chánh
	4	[H3-3.2-04]	Hình ảnh thư viện	2019-2020	Nhân viên thư viện	Thư viện
	5	[H3-3.2-05]	Hình ảnh phòng đoàn đội	2019-2020	Bí thư chi đoàn, tổng phụ trách	Tổng phụ trách Đội
	6	[H3-3.2-06]	Hình ảnh phòng thiết bị	2019-2020	Nhân viên thiết bị	Thiết bị
Tiêu chí 3.3	1	[H3-3.3-01]	Hình ảnh các phòng ban: hành chính, tài vụ, y tế - cán bộ quản lý - Bảo vệ	2019-2020	Phó Hiệu trưởng hành chánh	Phó Hiệu trưởng hành chánh
	2	[H3-3.3-02]	Hình ảnh khu để xe giáo viên, hình ảnh bãi xe học sinh	2019-2020	Phó Hiệu trưởng hành chánh	Phó Hiệu trưởng hành chánh
	3	[H3-3.3-03]	Các hóa đơn sửa chữa cơ sở vật chất	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019	Hiệu trưởng, kế toán	Kế toán

				2019-2020		
	4	[H3-3.3-04]	Các hóa đơn mua thêm trang thiết bị ở văn phòng	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng, kế toán	Kế toán
	5	[H3-3.3-05]	Hợp đồng bếp ăn công nghiệp	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng	Văn thư
	6	[H3-3.3-06]	Hình ảnh tổ chức giờ ăn của học sinh bán trú	2019-2020	Phó Hiệu trưởng hành chánh	Phó Hiệu trưởng hành chánh
	7	[H3-3.3-07]	Hình ảnh phòng ngủ trưa của học sinh bán trú	2019-2020	Phó Hiệu trưởng hành chánh	Phó Hiệu trưởng hành chánh
	8	[H3-3.3-08]	Danh sách các thiết bị văn phòng	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Phó Hiệu trưởng hành chánh	Phó Hiệu trưởng hành chánh
Tiêu chí 3.4	1	[H3-3.4-01]	Hình ảnh nhà vệ sinh nam – nữ: giáo viên và học sinh	2019-2020	Phó Hiệu trưởng hành chánh	Phó Hiệu trưởng hành chánh
	2	[H3-3.4-02]	Hợp đồng thuê công nhân vệ sinh	2015-2016 2016-2017 2017-2018	Hiệu trưởng	Văn thư

				2018-2019 2019-2020		
3	[H3-3.4-03]	Hình ảnh hệ thống thoát nước		2018-2019	Phó Hiệu trưởng hành chánh	Phó Hiệu trưởng hành chánh
4	[H3-3.4-04]	Hóa đơn tiền nước		2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng	Kế toán
5	[H3-3.4-05]	Hợp đồng lắp đặt hệ thống nước tiết trùng		2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng	Văn thư
6	[H3-3.4-06]	Hợp đồng cung cấp nước		2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng	Văn thư
7	[H3-3.4-07]	Giấy kiểm nghiệm nước tiết trùng		2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh	Y tế
8	[H3-3.4-08]	Hợp đồng/hóa đơn với công ty công ích thu gom rác		2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng, kế toán	Kế toán

Tiêu chí 3.5	1	[H3-3.5-01]	Hình ảnh trống trường và loa phóng thanh	2018-2019	Phó hiệu trưởng hành chánh	Phó Hiệu trưởng hành chánh
	2	[H3-3.5-02]	Hồ sơ quản lý thiết bị và đồ dùng dạy học	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Nhân viên thiết bị	Nhân viên Thiết bị
	3	[H3-3.5-03]	Biên bản kiểm kê thiết bị văn phòng	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Nhân viên thiết bị	Nhân viên Thiết bị
	4	[H3-3.5-04]	Biên bản kiểm kê thiết bị dạy học	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Nhân viên thiết bị	Nhân viên Thiết bị
	5	[H3-3.5-05]	Hóa đơn sửa chữa thiết bị văn phòng, dạy học	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng, Kế toán	Kế toán
	6	[H3-3.5-06]	Sổ quản lý thiết bị dạy học	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Nhân viên Thiết bị	Nhân viên Thiết bị

	7	[H3-3.5-07]	Sổ mượn đồ dùng dạy học	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Nhân viên Thiết bị	Nhân viên Thiết bị
	8	[H3-3.5-08]	Báo cáo tổng kết thiết bị	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Nhân viên Thiết bị	Nhân viên Thiết bị
	9	[H3-3.5-09]	Danh sách đồ dùng dạy học tự làm của giáo viên	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Giáo viên	Nhân viên Thiết bị
Tiêu chí 3.6	1	[H3-3.6-01]	Kế hoạch hoạt động của thư viện	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Nhân viên Thư viện	Nhân viên Thư viện
	2	[H3-3.6-02]	Lịch đọc sách học sinh	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Nhân viên Thư viện	Nhân viên Thư viện
	3	[H3-3.6-03]	Hình ảnh thư viện	2017-2018 2018-2019	Nhân viên Thư viện	Nhân viên Thư viện
	4	[H3-3.6-04]	Báo cáo thống kê bạn đọc	2015-2016	Nhân viên	Nhân viên Thư viện

				2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Thư viện	
5	[H3-3.6-05]	Hình ảnh học sinh và giáo viên đọc sách tại thư viện	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Nhân viên Thư viện	Nhân viên Thư viện	
6	[H3-3.6-06]	Biên bản kiểm kê thư viện	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Nhân viên Thư viện	Nhân viên Thư viện	
7	[H3-3.6-07]	Kế hoạch mua sắm của thư viện	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Nhân viên Thư viện	Nhân viên Thư viện	
8	[H3-3.6-08]	Hóa đơn mua sách	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Nhân viên Thư viện	Nhân viên Thư viện	
9	[H3-3.6-09]	Giấy chứng nhận thư viện đạt chuẩn, xuất sắc	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019	Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí	Nhân viên Thư viện	

					Minh	
Tiêu chí 4.1	1	[H4-4.1-01]	Danh sách Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng	Văn thư
	2	[H4-4.1-02]	Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện Cha mẹ học sinh	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Ban đại diện Cha mẹ học sinh	Văn thư
	3	[H4-4.1-03]	Nghị quyết đại hội cha mẹ học sinh	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Ban đại diện Cha mẹ học sinh	Ban đại diện Cha mẹ học sinh
	4	[H4-4.1-04]	Báo cáo tổng kết hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Ban đại diện Cha mẹ học sinh	Ban đại diện Cha mẹ học sinh
	5	[H4-4.1-05]	Nội dung họp cha mẹ học sinh đầu năm và giữa năm	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 4.2	1	[H4-4.2-01]	Báo cáo nhu cầu tuyển sinh hằng năm	2015-2016 2016-2017	Hiệu trưởng	Văn thư

				2017-2018 2018-2019 2019-2020		
	2	[H4-4.2-02]	Kế hoạch tuyển dụng giáo viên – công nhân viên	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng	Văn thư
	3	[H4-4.2-03]	Tờ trình xin sửa chữa cơ sở vật chất	2015-2016 2017-2018	Hiệu trưởng	Văn thư
	4	[H4-4.2-04]	Bản cam kết an toàn an ninh trật tự với Công an Phường 26	2016-2020	Phó Hiệu trưởng hành chánh	Văn thư
	5	[H4-4.2-05]	Danh sách đóng góp của cha mẹ học sinh	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Kế toán	Kế toán
	6	[H4-4.2-06]	Hình ảnh trao học bổng của mạnh thường quân	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng, Hội khuyến học	Tổng phụ trách Đội
	7	[H4-4.2-07]	Hồ sơ khen thưởng học sinh các năm	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019	Hiệu trưởng	Học vụ

				2019-2020		
8	[H4-4.2-08]	Hồ sơ học bổng học sinh vượt khó	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng, Hội khuyến học, kế toán	Kế toán	
9	[H4-4.2-09]	Hình ảnh tuyên truyền dưới sân	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Tổng phụ trách Đội	Tổng phụ trách Đội	
10	[H4-4.2-10]	Hình ảnh chăm sóc di tích lịch sử (Lăng Ông)	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019	Tổng phụ trách Đội	Tổng phụ trách Đội	
11	[H4-4.2-11]	Hình ảnh học sinh tham quan nhà truyền thống Quận	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Tổng phụ trách Đội	Tổng phụ trách Đội	
12	[H4-4.2-12]	Hình ảnh học sinh thăm gia đình thương binh, liệt sĩ	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Tổng phụ trách Đội	Tổng phụ trách	
13	[H4-4.2-13]	Biên bản kiểm tra trường học có đời sống văn hóa tốt	2015-2016 2016-2017 2017-2018	Văn thư	Văn thư	

				2018-2019 2019-2020		
Tiêu chí 5.1	1	[H5-5.1-01]	Bảng phân công số tiết từng môn	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng chuyên môn	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
	2	[H5-5.1-02]	Hợp đồng giảng dạy kỹ năng sống	2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng	Văn thư
	3	[H5-5.1-03]	Giáo án dạy các chuyên đề	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng chuyên môn, tổ trưởng chuyên môn	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
	4	[H5-5.1-04]	Hình ảnh giảng dạy các chuyên đề	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Phó Hiệu trưởng chuyên môn	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
	5	[H5-5.1-05]	Ảnh chụp màn hình, điện thoại, email trao đổi việc học giữa giáo viên và học sinh	2017-2018	Giáo viên	Giáo viên
	6	[H5-5.1-06]	Kế hoạch tổ chức chuyên đề	2015-2016 2016-2017 2017-2018	Phó Hiệu trưởng chuyên môn	Phó Hiệu trưởng chuyên môn

				2018-2019 2019-2020		
7	[H5-5.1-07]	Hình ảnh học sinh thi các hội thi robocon, xe thể năng		2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Phó Hiệu trưởng chuyên môn, giáo viên	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
8	[H5-5.1-08]	Các đề kiểm tra bộ môn		2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Phó Hiệu trưởng chuyên môn, tổ trưởng chuyên môn	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
9	[H5-5.1-09]	Bảng điểm qua các đợt báo điểm		2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Phó Hiệu trưởng chuyên môn, giáo viên	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
10	[H5-5.1-10]	Kế hoạch dạy học giáo viên theo thống nhất phân phối chương trình		2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Giáo viên	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
11	[H5-5.1-11]	Kế hoạch giảng dạy bộ môn của trường		2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Phó Hiệu trưởng chuyên môn	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
12	[H5-5.1-12]	Hợp đồng giảng dạy tiếng Anh với người nước ngoài		2015-2016 2016-2017	Hiệu trưởng	Văn thư

				2017-2018 2018-2019 2019-2020		
	13	[H5-5.1-13]	Danh sách đội tuyển học sinh giỏi	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Phó Hiệu trưởng chuyên môn, giáo viên	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
	14	[H5-5.1-14]	Danh sách học sinh học phụ đạo	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Phó Hiệu trưởng chuyên môn, giáo viên	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
Tiêu chí 5.2	1	[H5-5.2-01]	Kế hoạch phụ đạo học sinh yếu	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Phó Hiệu trưởng chuyên môn, tổ trưởng chuyên môn	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
	2	[H5-5.2-02]	Kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Phó Hiệu trưởng chuyên môn, tổ trưởng chuyên môn	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
	3	[H5-5.2-03]	Danh sách phân công giáo viên dạy phụ đạo	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Phó Hiệu trưởng chuyên môn	Phó Hiệu trưởng chuyên môn

	4	[H5-5.2-04]	Danh sách phân công giáo viên dạy bồi dưỡng học sinh giỏi	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Phó Hiệu trưởng chuyên môn	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
Tiêu chí 5.3	1	[H5-5.3-01]	Giáo án địa phương môn Ngữ văn - Lịch sử - Địa lý - Âm nhạc - Mỹ thuật	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Giáo viên	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
	2	[H5-5.3-02]	Hình ảnh thăm đền Hai Bà Trưng	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Tổng phụ trách Đội	Tổng phụ trách Đội
	3	[H5-5.3-03]	Đề kiểm tra các môn có lồng ghép giáo dục địa phương	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019	Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thanh, Phó hiệu trưởng chuyên môn	Phó hiệu trưởng chuyên môn
	4	[H5-5.3-04]	Giáo án điện tử môn: Ngữ văn - Lịch sử - Địa lý	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Giáo viên	Phó hiệu trưởng chuyên môn
	5	[H5-5.3-05]	Giáo án ngoài giờ lên lớp	2015-2016	Giáo viên	Phó hiệu trưởng chuyên

				2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	chủ nhiệm	môn
	6	[H5-5.3-06]	Hình ảnh học sinh tham quan các di tích lịch sử	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Phó hiệu trưởng chuyên môn	Phó hiệu trưởng chuyên môn
Tiêu chí 5.4	1	[H5-5.4-01]	Kế hoạch hướng nghiệp công nghệ 9	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Giáo viên, Phó Hiệu trưởng chuyên môn	Phó hiệu trưởng chuyên môn
	2	[H5-5.4-02]	Danh sách phân công giáo viên hỗ trợ hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nhà trường	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Phó Hiệu trưởng chuyên môn	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
	3	[H5-5.4-03]	Hình ảnh tham gia các hội thi của Liên đội	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Tổng phụ trách Đội	Tổng phụ trách Đội
	4	[H5-5.4-04]	Hồ sơ giáo án hướng nghiệp	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019	Giáo viên	Giáo viên

	5	[H5-5.4-05]	Danh sách đăng ký học sinh học nghề khối 8	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Phó Hiệu trưởng hành chánh	Phó Hiệu trưởng hành chánh
	6	[H5-5.4-06]	Hình ảnh các trường nghề tư vấn học sinh lớp 9	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019	Phó Hiệu trưởng hành chánh	Phó Hiệu trưởng hành chánh
Tiêu chí 5.5	1	[H5-5.5-01]	Hình ảnh giáo dục pháp luật cho học sinh	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Phó Hiệu trưởng chuyên môn	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
	2	[H5-5.5-02]	Hình ảnh giáo dục An toàn giao thông	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Phó Hiệu trưởng hành chánh	Phó Hiệu trưởng hành chánh
	3	[H5-5.5-03]	Hình ảnh giáo dục phòng chống dịch bệnh	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Hiệu trưởng, nhân viên y tế	Y tế
	4	[H5-5.5-04]	Hình ảnh giáo dục giới tính	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019	Phó Hiệu trưởng hành chánh	Phó Hiệu trưởng hành chánh

	5	[H5-5.5-05]	Hình ảnh giáo dục Phòng chống HIV-AIDS	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019	Phó Hiệu trưởng hành chánh	Phó Hiệu trưởng hành chánh
	6	[H5-5.5-06]	Hình ảnh tuyên truyền phòng chống nghiện game – mạng xã hội	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019	Tổng phụ trách	Tổng phụ trách
	7	[H5-5.5-07]	Báo cáo tình hình dịch bệnh, ca bệnh	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Nhân viên y tế	Y tế
Tiêu chí 5.6	1	[H5-5.6-01]	Hồ sơ sau thi lại	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Phó Hiệu trưởng chuyên môn	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
	2	[H5-5.6-02]	Hồ sơ xét tốt nghiệp học sinh lớp 9	2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020	Phòng Giáo dục quận Bình Thạnh	Phó Hiệu trưởng chuyên môn

